VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

PHẠM XUÂN DƯƠNG

ĐỊA VỊ PHÁP LÝ CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THEO LUẬT DOANH NGHIỆP 2014

Chuyên ngành: Luật Kinh tế
Mã số: 60 38 01 07

LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

Người hướng dẫn khoa học: PGS.TS. Nguyễn Như Phát

HÀ NỘI, 2017

LỜI CAM ĐOAN

Đề tài nghiên cứu ***"Địa vị pháp lý của Đại hội đồng cổ đông trong công ty cổ phần theo Luật Doanh nghiệp 2014"*** của luận văn này là kết quả của sự nỗ lực cố gắng, nghiên cứu của bản thân cùng sự hướng dẫn tận tình của người hướng dẫn khoa học PGS.TS Nguyễn Như Phát. Tôi xin cam đoan công trình nghiên cứu này không hề có bất kỳ sự sao chép nào mà không có trích nguồn, tác giả.

Tôi xin cam đoan những lời trên là hoàn toàn đúng sự thật và tôi xin chịu toàn bộ trách nhiệm về lời cam đoan của mình.

TÁC GIẢ LUẬN VĂN

PHẠM XUÂN DƯƠNG

DANH MỤC CÁC KÝ HIỆU, CÁC CHỮ VIẾT TẮT

CTCP	Công ty cổ phần
TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
ĐHĐCĐ	Đại hội đồng cổ đông
HĐQT	Hội đồng quản trị
BGĐ	Ban giám đốc
BKS	Ban kiểm soát
DNNN	Doanh nghiệp nhà nước
GĐ	Giám đốc
TGĐ	Tổng giám đốc
LDN	Luật Doanh nghiệp

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU 1
Chương 1: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ ĐỊA VỊ PHÁP LÝ CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG TRONG CÔNG TY CỔ PHẦN 6
1.1 Khái niệm địa vị pháp lý của Đại hội đồng cổ đông trong công ty cổ phần 6
1.2 Đặc điểm địa vị pháp lý của Đại hội đồng cổ đông trong công ty cổ phần 9
1.3 Tính khách quan của sự tồn tại thiết chế Đại hội đồng cổ đông trong công ty cổ phần 10
1.4. Mối quan hệ giữa pháp luật và quy định nội bộ của công ty cổ phần về Đại hội đồng cổ đông 14
1.5. Lịch sử phát triển của pháp luật Việt Nam về địa vị pháp lý của Đại hội đồng cổ đông trong công ty cổ phần 16
Chương 2: THỰC TRẠNG ĐỊA VỊ PHÁP LÝ CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG TRONG CÔNG TY CỔ PHẦN THEO LUẬT DOANH NGHIỆP 2014 .. 21
2.1. Quy định về Đại hội đồng cổ đông trong cơ cấu tổ chức quản lý của công ty cổ phần theo Luật doanh nghiệp 2014 21
2.2. Quy định về hình thức, thủ tục, quy trình họp Đại hội đồng cổ đông trong công ty cổ phần 25
2.3 Nội dung, cơ chế hoạt động của Đại hội đồng cổ đông 31
2.4 Mối quan hệ của Đại hội đồng cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, giám đốc/tổng giám đốc 44
2.5. Thực trạng thực thi quy định của Luật Doanh nghiệp 2014 về Đại hội đồng cổ đông trong công ty cổ phần và một số vấn đề đặt ra 48
2.6. Quan điểm, yêu cầu và định hướng hoàn thiện pháp luật về địa vị pháp lý của Đại hội đồng cổ đông trong công ty cổ phần ở nước ta 56
2.7. Giải pháp hoàn thiện và thực hiện các quy định của pháp luật về địa vị pháp lý của Đại hội đồng cổ đông trong công ty cổ phần ở Việt Nam theo Luật Doanh nghiệp 2014 58
KẾT LUẬN 66
TÀI LIỆU THAM KHẢO 67

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Doanh nghiệp là một trong những nhân tố đóng vai trò quan trọng trong nền kinh tế thị trường. Để tạo hành lang pháp lý cho doanh nghiệp hoạt động Nhà nước đã ban hành pháp luật về doanh nghiệp, cụ thể như Luật Doanh nghiệp năm 1999, Luật Doanh nghiệp 2005 và mới đây là Luật Doanh nghiệp 2014. Trong các loại hình doanh nghiệp theo Luật Doanh nghiệp thì Công ty cổ phần là một trong những loại hình phổ biến và ưu việt nhất hiện nay. Tính ưu việt của công ty cổ phần thể hiện ở chỗ, nó đáp ứng được sự tự do dân chủ của các cổ đông trong việc quản lý công ty. Một trong các cơ quan thể hiện sự tự do dân chủ và quyền lực nhất trong công ty cổ phần chính là Đại hội đồng cổ đông.

Luật Doanh nghiệp 2014 đã dành Chương V, gồm 83 điều luật (Từ Đều 110 đến Điều 192), trong đó có 14 điều luật quy định về Đại hội đồng cổ đông của công ty cổ phần (từ Điều 135 đến Điều 148). Quy định của Luật Doanh nghiệp năm 2014 đã ghi nhận vai trò là cơ quan quyền lực, cơ quan ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong công ty cổ phần. Điều này hoàn toàn phù hợp với lý thuyết về quản trị doanh nghiệp là tạo ra những cơ chế, quy định mà thông qua đó công ty được điều hành và kiểm soát. Cơ cấu quản trị doanh nghiệp xác định quyền hạn và trách nhiệm giữa những thành viên khác nhau trong công ty, bao gồm các Cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban điều hành, Ban kiểm soát và những người liên quan khác của công ty.

Tuy nhiên, thực tế áp dụng Luật Doanh nghiệp ở Việt Nam cho đến nay, tính quyền lực và tự do dân chủ của Đại hội đồng cổ đông phần nhiều mang tính hình thức. Mặc dù theo quy định của pháp luật Đại hội đồng cổ đông là cơ quan quyết định cao nhất trong công ty cổ phần, tuy nhiên thực tế quyền lực lại nằm trong tay Hội đồng quản trị. Hầu hết các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông diễn theo kịch bản sắp đặt trước của Hội đồng quản trị. Hội

đồng quản trị sắp đặt các chương trình, chuẩn bị nhân sự cho các cuộc bầu bán, còn lại hầu hết các cổ đông đến dự họp chỉ nắm được những thông tin cơ bản thông qua báo cáo của Hội đồng quản trị. Nếu công ty hoạt động bình thường, không có vấn đề gì thì việc sắp đặt của Hội đồng quản trị, về cơ bản được các cổ đông dự họp tán thành. Như vậy, đa số các cổ đông tham gia dự Đại hội đồng cổ đông chỉ mang tính hình thức.

Các cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông chỉ diễn ra thực chất ở một khía cạnh nào đó tại những doanh nghiệp có sự đấu đá giữa những nhóm cổ đông lớn tranh giành quyền lực. Tại những cuộc họp Đại hội đồng cổ đông như thế việc sử dụng quyền và nghĩa vụ của cổ đông và các quy định về Đại hội đồng cổ đông mới được áp dụng triệt để phần nào.

Vì vậy, để cho Đại hội đồng cổ đông là một cơ quan quyết định cao nhất, có quyền lực thực sự và dân chủ thì việc pháp luật quy định cho nó một địa vị pháp lý rõ ràng, đầy đủ và khoa học là một trong những yếu tố then chốt và quan trọng. Ngoài ra, bản thân các cổ đông phải là những người thực sự am hiểu về quyền và nghĩa vụ của cổ đông, và họ là những người có trách nhiệm đối với đồng vốn mà mình đầu tư vào công ty. Bên cạnh đó sự phối hợp nhịp nhàng và kiểm soát lẫn nhau giữa Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát cũng là một trong những điểm quan trọng giúp cho hoạt động của Đại hội đồng cổ đông được thành công và hiệu quả.

Những lý do trên cho thấy nhu cầu cấp thiết, tính thời sự, khoa học và thực tiễn của việc nghiên cứu đề tài ***"Địa vị pháp lý của Đại hội đồng cổ đông trong công ty cổ phần theo Luật Doanh nghiệp 2014"*** là hoàn toàn có cơ sở.

2. Tình hình nghiên cứu đề tài

Ở Việt Nam hiện nay, có nhiều nghiên cứu của các nhà kinh tế, các học giả, các luật gia về các vấn đề liên quan tới quản trị nội bộ công ty cổ phần như công trình "*Quản trị công ty cổ phần ở Việt Nam; quy định của pháp luật*

và hiệu lực thực tế và vấn đề" của Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương, "*Công ty - vốn Vốn, quản lý và tranh chấp theo các doanh nghiệp 2005"* của tác giả Nguyễn Ngọc Bích, Nguyễn Đình Cung; " *Chuyên khảo Luật kinh tế"* của tác giả Phạm Duy Nghĩa, "*Báo cáo nghiên cứu ra sách văn bản pháp luật về thành lập, tổ chức và hoạt động của doanh nghiệp"* của Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương (CIEM). Nhìn chung, các nghiên cứu trên đã đề cập ở mức độ khác nhau về hoạt động của Đại hội đồng cổ đông trong công ty cổ phần.

Mặc dù các công trình nghiên cứu đề cập ở những mức độ, khía cạnh khác nhau về địa vị pháp lý của Đại hội đồng cổ đông, tuy nhiên chưa có một nghiên cứu chuyên sâu nào về vấn đề này dựa trên cơ sở Luật doanh nghiệp 2014.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

3.1 Mục đích nghiên cứu

Mục đích nghiên cứu của luận văn là làm sáng tỏ những vấn đề lý luận về địa vị pháp lý của Đại hội đồng cổ đông, đồng thời phân tích, đánh giá thực trạng về địa vị pháp lý từ đó đề xuất định hướng, giải pháp hoàn thiện các quy định pháp luật về Đại hội đồng cổ đông của công ty cổ phần trong Luật Doanh nghiệp 2014.

3.2 Nhiệm vụ nghiên cứu

Nghiên cứu làm sáng tỏ nhưng vấn đề lý luận về địa vị pháp của Đại hội đồng cổ đông trong công ty cổ phần;

Nghiên cứu so sánh các mô hình hoạt động của Đại hội đồng cổ đông trong công ty cổ phần với mô hình Hội đồng thành viên trong công ty trách nhiệm hữu hạn;

Phân tích, đánh giá thực trạng các quy định pháp luật về địa vị pháp lý của Đại hội đồng cổ đông trong công ty cổ phần theo Luật Doanh nghiệp 2014 và các quy định pháp luật liên quan;

Tìn hiểu thực tiễn địa vị pháp lý của Đại hội đồng cổ đông trong công ty cổ phần khi áp dụng Luật Doanh nghiệp 2014 và các quy định pháp luật liên quan;

Đề xuất các định hướng, giải pháp hoàn thiện pháp luật về địa vị pháp lý của Đại hội đồng cổ đông công ty cổ phần trong thời gian tới.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

4.1 Đối tượng nghiên cứu của luận văn

Đối tượng nghiên cứu của luận văn là những vấn đề pháp lý liên quan đến quy định địa vị pháp lý của Đại hội đồng cổ đông trong công ty cổ phần theo Luật Doanh nghiệp 2014.

4.2 Phạm vi nghiên cứu của luận văn

Phạm vi nghiên cứu của luận văn này là toàn bộ các quy định pháp luật về địa vị pháp lý của Đại hội đồng cổ đông theo luật Doanh nghiệp 2014. Phân tích những tình huống thực tiễn gắn liền với việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông trong công ty cổ phần Việt Nam (thực trạng các quy định pháp luật, các hạn chế, các hành vi lợi dụng kẽ hở, các vi phạm của Đại hội đồng cổ đông trong công ty cổ phần ở Việt Nam hiện nay).

5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

Luận văn này được thực hiện trên cơ sở vận dụng chủ nghĩa Mác- Lê Nin về Nhà nước và pháp luật, và đường lối của Đảng và Nhà nước về phát triển kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa và các học thuyết về quản trị doanh nghiệp hiện đại.

Là đề tài thuộc khoa học xã hội nên luận văn sử dụng các phương pháp chính sau: Phương pháp duy vật biện chứng, phương pháp thu thập thông tin, phương pháp phân tích, đánh giá, tổng hợp, diễn giải có kết hợp với so sánh các quy định pháp luật về địa vị pháp lý của Đại hội đồng cổ đông trong công ty cổ phần ở nước ta hiện nay.

Ngoài ra, luận văn còn được sử dụng các phương pháp phân tích, phương pháp tổng hợp, phương pháp so sánh nhằm làm sáng tỏ vấn đề nghiên cứu.

Để thực hiện luận văn tác giả còn sử dụng phương pháp tiếp cận từ thực tiễn để tìm hiểu sự phù hợp giữa quy định của pháp luật hiện hành với những đòi hỏi của thực tiễn đặt ra.

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận văn

Trên cơ sở quy định, thực tiễn áp dụng và tổng kết thi hành Luật doanh nghiệp 2005 và việc triển khai áp dụng Luật Doanh nghiệp 2014 (có hiệu lực từ 01/7/2015) về địa vị pháp lý của Đại hội đồng cổ đông trong công ty cổ phần, luận văn góp phần phân tích khoa học giữa quy định pháp luật và thực tiễn áp dụng pháp luật trong đời sống xã hội Việt Nam nhằm góp phần hoàn thiện pháp luật tạo điều kiện tốt hơn cho các nhà đầu tư khi tham gia hoạt động kinh tế, những người có liên quan và cơ quan quản lý nhà nước.

Thực hiện luận văn giúp người viết hiểu biết cụ thể hơn về địa vị pháp lý của Đại hội đồng cổ đông của công ty cổ phần hiện nay, vấn đề đang được các nhà áp dụng pháp luật quan tâm. Luận văn mang đến cho người đọc những hiểu biết về những quy định của pháp luật về Đại hội đồng cổ đông của công ty cổ phần theo pháp luật Việt Nam.

7. Cơ cấu của luận văn

Luận văn được cấu trúc thành các phần như sau:

Chương 1: Những vấn đề lý luận cơ bản về địa vị pháp lý của Đại hội đồng cổ đông trong công ty cổ phần.

Chương 2: Thực trạng địa vị pháp lý của Đại hội đồng cổ đông trong công ty cổ phần theo Luật doanh nghiệp 2014 và giải pháp hoàn thiện.

Chương 1
NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ ĐỊA VỊ PHÁP LÝ CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG TRONG CÔNG TY CỔ PHẦN

1.1 Khái niệm địa vị pháp lý của Đại hội đồng cổ đông trong công ty cổ phần

1.1.1 Khái niệm công ty cổ phần

Trước khi nghiên cứu tìm hiểu về địa vị pháp lý của Đại hội đồng cổ đông trong công ty cổ phần chúng ta cần đi từ những khái niệm cơ bản như công ty cổ phần, Đại hội đồng cổ đông là như thế nào.

Theo Luật Doanh nghiệp năm 2014 tại điều 110 có quy định: ”*Doanh nghiệp trong đó vốn điều lệ được chia thành nhiều phần bằng nhau gọi là cổ phần. Những tổ chức hoặc cá nhân nắm giữ các cổ phần được gọi là cổ đông và số lượng cổ đông trong công ty cổ phần tối thiểu là 03 và không hạn chế số lượng tối đa. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của doanh nghiệp trong phạm vi số vốn đã góp vào doanh nghiệp”*. [30]

Theo cách hiểu này thì công ty cổ phần có các dấu hiệu cơ bản là: i/ Là một loại hình doanh nghiệp; ii/ Số lượng thành viên tối thiểu là 3, tối đa không hạn chế, thành viên là tổ chức hoặc cá nhân được gọi là cổ đông; iii/Vốn điều lệ của công ty được chia thành những phần bằng nhau gọi là cổ phần; iv/Cổ đông chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của doanh nghiệp trong phạm vi số vốn đã góp vào doanh nghiệp; v/Công ty chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác trong phạm vi vốn của doanh nghiệp.

Theo Luật Doanh nghiệp 2014 thì *Đại hội đồng cổ đông là bao gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của công ty cổ phần* [30]. Như vậy, Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có tính “quyền lực” của công ty cổ phần. Quyền lực của Đại hội đồng cổ đông thể hiện thông qua

việc ra các quyết định quan trọng của công ty. Phương thức ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông là sự biểu quyết của cổ đông tại cuộc họp hoặc phương thức khác theo nguyên tắc đối vốn. Chính vì lẽ đó, Đại hội đồng cổ đông của công ty cổ phần chỉ bao gồm cổ đông có quyền biểu quyết và bao gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, không có trường hợp ngoại lệ.

1.1.2. Khái niệm địa vị pháp lý của Đại hội đồng cổ đông

Trong các văn bản luật chính thống của Việt Nam như Luật công ty (1990) Luật doanh nghiệp (1999, 2005, 2014), Bộ luật Dân sự, Luật Thương mại… đều chưa chưa có một định nghĩa về địa vị pháp lý của Đại hội đồng cổ đông trong công ty cổ phần. Theo Từ điển Luật học thì địa vị pháp lý là *vị trí của chủ thể pháp luật trong mối quan hệ với những chủ thể pháp luật khác trên cơ sở quy định của pháp luật* [34, tr 58]. Địa vị pháp lý của chủ thể pháp luật thể hiện thành tổng thể các quyền và nghĩa vụ pháp lý của chủ thể, qua đó xác lập cũng như giới hạn khả năng của chủ thể trong các hoạt động của mình. Thông qua địa vị pháp lý ta có thể phân biệt được chủ thể pháp luật này với chủ thể rất khác, đồng thời cũng có thể xem xét vị trí, tầm quan trọng của chủ thể trong mối quan hệ pháp lý. Tuy nhiên, trước khi tìm hiểu khái niệm địa vị pháp lý của Đại hội đồng cổ đông trong công ty cổ phần chúng ta cần tìm hiểu khái niệm về Đại hội đồng cổ đông trong công ty cổ phần.

Về mặt lý luận, địa vị pháp lý của Đại hội đồng cổ đông có thể được hiểu theo phương diện là chế định pháp lý về Đại hội đồng cổ đông hoặc theo phương diện tổng thể các quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông.

Phương diện là chế định pháp lý thì *địa vị pháp lý của Đại hội đồng cổ đông bao gồm tổng thể các quy phạm pháp luật điều chỉnh các quan hệ xã hội phát sinh trong quá trình tổ chức, hoạt động của Đại hội đồng cổ đông, mối quan hệ giữa Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban giám đốc và các cổ đông.*[30]

Tiếp cận theo phương diện khác thì địa vị pháp lý của Đại hội đồng cổ đông trong công ty cổ phần *là tổng thể các quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông trên cơ sở các quy định của pháp luật tạo cho Đại hội đồng cổ đông có khả năng tham gia quan hệ pháp luật một cách độc lập trong mối quan hệ với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban giám đốc và các cổ đông*[30].

Theo phương diện này thì địa vị pháp lý của Đại hội đồng cổ đông có các dấu hiệu cơ bản là:

i/ Địa vị pháp lý của Đại hội đồng cổ đông hình thành trên cơ sở các quy định của pháp luật. Tức là pháp luật quy định về Đại hội đồng cổ đông và tất cả các quy đinh của pháp luật về Đại hội đồng cổ đông sẽ xác lập lên địa vị pháp lý của nó.

ii/ Địa vị pháp lý của Đại hội đồng cổ đông biểu hiện thành quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông. Pháp luật là "quy tắc xử sự", trong đó những phương thức xử sự cơ bản là "được" và "phải", tức là quyền và nghĩa vụ. Địa vị pháp lý của bất kỳ thể nhân, pháp nhân nào cũng cơ bản được hình thành trên cơ sở những quy tắc xử sự mà pháp luật trao, đối với Đại hội đồng cổ đông cũng vậy. Nói cách khác thì vị trí của Đại hội đồng cổ đông về mặt pháp lý thể hiện thông qua các quyền và nghĩa vụ mà pháp luật quy định cho nó.

iii/ Địa vị pháp lý của Đại hội đồng cổ đông thể hiện trong việc nó được độc lập tham gia các quan hệ pháp luật. Đại hội đồng cổ đông với tư cách là một bộ phận, một thiết chế trong cơ cấu tổ chức quản lý của công ty cổ phần nó sẽ được tham gia quan các quan hệ pháp luật với các bộ phận, thiết chế khác trong doanh nghiệp phù hợp với quyền và nghĩa vụ nhằm thực hiện chức năng, nhiệm vụ của nó. Trong đó, xuất phát từ bản chất pháp lý của mình, điều lệ công ty sẽ có vai trò quan trọng trong việc cụ thể hóa các quyền và nghĩa vụ của Đại hội cổ đông trên cơ sở không trái với các quy định "tối thiểu" của pháp luật về công ty.

iv/ Địa vị pháp lý của Đại hội đồng cổ đông thể hiện trong các quan hệ pháp luật và mối liên hệ với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban giám đốc và các cổ đông. Đây là các bộ phận, cá nhân thuộc cơ cấu tổ chức quản lý của công ty cổ phần hoặc có quyền tham gia quản trị doanh nghiệp. Do cùng tham gia quản lý, điều hành, quản trị doanh nghiệp nên Đạ hội đồng cổ đông tham gia mối quan hệ và có mối liên hệ với các bộ phận, cá nhân này. Thông qua các quan hệ và mối liên hệ này, vị trí của Đại hội đồng cổ đông trong công ty cổ phần càng lộ rõ và được khẳng định.

1.2. Đặc điểm địa vị pháp lý của Đại hội đồng cổ đông trong công ty cổ phần

Do Đại hội đồng cổ đông là nơi hội tụ của các đồng sở hữu công ty nên đây là cơ quan quyết định cao nhất trong công ty cổ phần chính vì vậy đây là cơ quan quyết định tất cả các vấn đề quan trọng của doanh nghiệp như vấn đề cơ cấu doanh nghiệp, bầu các chức danh thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, bán hoặc đầu tư các tài sản, hợp đồng, dự án có giá trị lớn hoặc thông qua báo cáo tài chính…

Địa vị pháp lý của Đại hội đồng cổ đông trong công ty cổ phần có nét tương đồng với Hội đồng thành viên trong công ty trách nhiệm hữu hạn đó là tính quyền lực cao nhất trong doanh nghiệp. Quyền lực này là quyền lực mang tính tập thể đại diện lợi ích cho toàn bộ cổ đông.

Tuy nhiên, tính quyền lực của Đại hội đồng cổ đông thể hiện phần lớn thông qua tính chất định hướng cho sự phát triển của doanh nghiệp chứ không giải quyết các công việc có tính sự vụ, trừ một vài trường hợp cụ thể.

Sự thể hiện quyền lực của Đại hội đồng cổ đông diễn ra định kỳ - các cuộc họp thường niên và các cuộc họp bất thường. Trung bình một doanh nghiệp hàng năm chỉ có một vài cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông nên tính quyền lực của Đại hội đồng cổ đông mang tính gián tiếp, nó chủ yếu được

thể hiện thông qua các hoạt động thi hành của Hội đồng quản trị và Ban giám đốc.

Mối quan hệ quyền lực giữa Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, Bản kiểm soát trong công ty cổ phần vừa mang tính quyền lực (chỉ huy) vừa mang tính giám sát.

Tính quyền lực thể hiện ở chỗ, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên và chỉ đạo các hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.

Tính giám sát được thể hiện ở chỗ, sau khi giao nhiệm vụ cho Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát Đại hội đồng cổ đông kiểm tra, giám sát hoạt động các cơ quan này thông qua các kết quả công việc và các báo cáo thường niên hoặc đột xuất.

Mặc dù Đại hội đồng cổ đông là cơ quan quyết định cao nhất của doanh nghiệp nhưng quyền lực này bị hạn chế bởi nó không phải là cơ quan thường trực do đó quyền lực không phải lúc nào cũng là quyền lực trực tiếp.

1.3. Tính khách quan của sự tồn tại thiết chế Đại hội đồng cổ đông trong công ty cổ phần

Thứ nhất: Tất yếu của Đại hội đồng cổ đông xuất phát từ tư cách là chủ sở hữu của cổ đông

Tại Việt Nam, quyền kinh doanh đã được hiến định tại Điều 33**,** Hiến pháp 2013: "Mọi người có quyền tự do kinh doanh trong những ngành nghề mà pháp luật không cấm"[29]. Phù hợp với quy định đó Hiến pháp, Điều 5 Luật Đầu tư 2014 quy định: "Nhà đầu tư được quyền thực hiện hoạt động đầu tư kinh doanh trong các ngành, nghề mà Luật này không cấm; Nhà đầu tư được tự chủ quyết định hoạt động đầu tư kinh doanh theo quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan; được tiếp cận, sử dụng các nguồn vốn tín dụng, quỹ hỗ trợ, sử dụng đất đai và tài nguyên khác theo quy định của pháp luật". Đồng thời với việc ghi nhận quyền đầu tư, kinh doanh

của các tổ chức, cá nhân, Điều 22 Luật Đầu tư 2014 quy định: "Nhà đầu tư được thành lập tổ chức kinh tế theo quy định của pháp luật..."[31].

Như vậy, mọi tổ chức, cá nhân Việt Nam đều có quyền tự do đầu tư, kinh doanh. Trong đó, đầu tư kinh doanh thông qua tổ chức kinh tế là hình thức phổ biến. Tổ chức, cá nhân có thể thành lập mới hoặc góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp… vào tổ chức kinh tế đã có sẵn để tiến hành hoạt động đầu tư kinh doanh góp phần làm giầu cho bản thân, làm giầu cho đất nước và xã hội. Nói cách khác thì việc cá nhân thành lập hoặc tham gia vào doanh nghiệp là để thực thi quyền tự do đầu tư kinh doanh của mình. Khi thành lập hoặc tham gia vào doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân được lựa chọn bất kỳ hình thức doanh nghiệp, hình thức tổ chức kinh tế cụ thể nào, trong đó có công ty cổ phần. Công ty cổ phần chính là một loại hình doanh nghiệp, một hình thức thể hiện quyền đầu tư kinh doanh của tổ chức, cá nhân. Đây cũng là hình thức đầu tư kinh doanh phổ biến tại Việt Nam và trên toàn thế giới.

Sau khi thành lập doanh nghiệp để tiến hành hoạt động kinh doanh trong nền kinh tế nhiều thành phần, về cơ bản, các doanh nghiệp là những thực thể kinh tế độc lập, được quyền tiến hành các hoạt động kinh doanh theo pháp luật. Theo quy định tại Điều 7 Luật Doanh nghiệp 2014 thì doanh nghiệp có quyền: "Tự do kinh doanh trong những ngành, nghề mà luật không cấm; tự chủ kinh doanh và lựa chọn hình thức tổ chức kinh doanh; Chủ động lựa chọn ngành, nghề, địa bàn, hình thức kinh doanh; Chủ động điều chỉnh quy mô và ngành, nghề kinh doanh; Lựa chọn hình thức, phương thức huy động, phân bổ và sử dụng vốn; Chủ động tìm kiếm thị trường, khách hàng và ký kết hợp đồng; Kinh doanh xuất khẩu, nhập khẩu; Tuyển dụng, thuê và sử dụng lao động theo yêu cầu kinh doanh; Chủ động ứng dụng khoa học và công nghệ để nâng cao hiệu quả kinh doanh và khả năng cạnh tranh; Chiếm hữu, sử dụng, định đoạt tài sản của doanh nghiệp; Từ chối yêu cầu cung cấp nguồn lực không theo quy định của pháp luật; Khiếu nại, tố cáo theo quy định

của pháp luật về khiếu nại, tố cáo; Tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật; Quyền khác theo quy định của luật có liên quan"[30].

Như vậy, sau khi các thành viên hoặc chủ sở hữu thực thi quyền tự do đầu tư kinh doanh mà thành lập ra doanh nghiệp, sau đó, chính các doanh nghiệp lại tồn tại với tư cách một thực thể kinh tế, có quyền tự do, tự chủ kinh doanh. Tuy nhiên, quyền tự do, tự chủ đó của chủ thể kinh doanh phải được tiến hành bởi trước tiên là các chủ sở hữu của nó đó chính là các thành viên hoặc chủ sở hữu. Đối với công ty cổ phần thì chủ sở hữu của doanh nghiệp chính là các cổ đông. Như vậy, việc thực thi quyền tự do kinh doanh, quyền tự chủ kinh doanh và các quyền kinh tế khác mà pháp luật trao cho công ty cổ phần phải được thực hiện trước tiên bởi các cổ đông chứ không phải là ai khác. Tuy nhiên, việc thực hiện tư cách chủ sở hữu của cổ đông không thể theo cách "mạnh ai nấy làm" mà phải thực hiện thông qua các thể chế, cơ chế nhất định như thông qua các cơ quan lãnh đạo của công ty, trong đó trước tiên chính là Đại hội đồng cổ đông của công ty cổ phần. Đại hội đồng cổ đông chính là nơi tập trung toàn thể cổ đông của công ty, là nơi tập hợp sức mạnh của các chủ sở hữu để lãnh đạo công ty. Nói cách khác thì các cổ đông thông qua Đại hội đồng cổ đông mà nắm quyền lãnh đạo của công ty, quyết định các vấn đề quan trọng nhất của công ty.

Thứ hai: Tất yếu của Đại hội đồng cổ đông xuất phát từ yêu cầu quản trị công ty

Mọi tổ chức đều cần có một cơ cấu tổ chức và hoạt động để vận hành, thực hiện chức năng, nhiệm vụ của mình. Các chủ thể kinh doanh, trong đó có công ty cổ phần cũng vậy, nó cần phải thiết lập được cơ cấu tổ chức rõ ràng, chặt chẽ, bảo đảm tính hiệu lực, hiệu quả để tổ chức tiến hành các hoạt động sản xuất, kinh doanh. Trong đó, cơ cấu tổ chức quản trị của công ty cổ phần được xác định theo quy định pháp luật và Điều lệ công ty.

Trong cơ chế quản trị của công ty cổ phần, yêu cầu đầu tiên là phải bảo đảm quyền năng của các chủ sở hữu, các cổ đông, họ phải được quyền thể hiện quyền lực của mình, được quyền quyết định tất cả các vấn đề của tổ chức mà họ đặt ra để thực hiện quyền đầu tư kinh doanh của mình. Ngoài ra, cơ cấu quản trị của công ty cổ phần còn phải bảo đảm quyền sự bình đẳng của cổ đông thông qua tỷ lệ vốn góp. Theo đó, cổ đông nắm giữ tỷ lệ cổ phần cao sẽ có quyền năng lớn, trách nhiệm cao và ngược lại (đối vốn). Tuy nhiên, sự bình đẳng quyền năng trên cơ sở vốn vẫn thường dẫn đến hiện tượng lạm quyền của những cổ đông lớn và vì thế dẫn đến sự thiệt hại của cổ đông nhỏ trong cũng công ty. Điều này, hệ thống quản trị của công ty phải kiểm soát, hạn chế hoặc thậm chí loại bỏ được.

Trong hệ thống quản trị của công ty cổ phần cần thiết phải bảo đảm sự vận hành hiệu lực, hiệu quả hoạt động của bộ máy dẫn đến việc thực hiện thuận lợi, hiệu quả các hoạt động sản xuất, kinh doanh của công ty. Do vậy, trong cơ cấu tổ chức quản lý của công ty cổ phần phải thiết lập thành nhiều cơ quan, bộ phận với vị trí, chức năng, nhiệm vụ rõ ràng. Hiện nay, thông thường trong tổ chức quản trị của các công ty cổ phần của các nước trên thế giới đều thiết lập mô hình có bộ phần ra quyết định, bộ phận quản lý, bộ phận điều hành và bộ phận kiểm soát. Tương tự như vậy, các Luật Doanh nghiệp của Việt Nam, trong đó có Luật Doanh nghiệp 2014 cũng ghi nhận mô hình tổ chức quản lý của công ty cổ phần tương tự.

Trong mô hình tổ chức quản lý của công ty cổ phần thì bộ phận nắm quyền lực, bộ phận ra quyết định cũng chính là bộ phận thể hiện quyền lực của chủ sở hữu đó là Đại hội đồng cổ đông. Như vậy, bất luận nhìn nhận với tư cách gì thì Đại hội đồng cổ đông cũng là bộ phận không thể thiếu và đóng vai trò quan trọng trong cơ cấu tổ chức quản lý của công ty cổ phần.

1.4. Mối quan hệ giữa pháp luật và quy định nội bộ của công ty cổ phần về Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông là nơi tập hợp tất cả các cổ đông - là các chủ sở hữu công ty. Chính vì vậy trong khuôn khổ pháp luật cho phép, Đại hội đồng cổ đông được thực thi tối đa các quyền của chủ sở đối với công ty của mình như các quyền về định hướng phát triển, tổ chức sắp xếp cơ cấu nhân sự, bầu bổ nhiệm các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, phê duyệt thông qua báo cáo tài chính và quyết định các vấn đề tài chính …

Các quy định của pháp luật về Đại hội đồng cổ đông ở nước ta tập trung chủ yếu tại Luật Doanh nghiệp 2014 và một số quy định rải rác tại Luật chứng khoán, Luật các tổ chức tín dụng và các văn bản hướng dẫn thi hành các Luật này.

Luật Doanh nghiệp chủ yếu chỉ quy định các nguyên tắc cơ bản và các quyền quan trọng, thiết yếu cho Đại hội đồng cổ đông, các quy định chi tiết Luật nhường quyền tự quyết cho các cổ đông. Luật Doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác là cơ sở pháp lý cho Điều lệ được xây dựng các quy định chi tiết các vấn đề thuộc nội dung quản trị nội bộ của mình. Tuy nhiên, về nguyên tắc, Điều lệ của doanh nghiệp không được trái với Luật Doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác.

Thông thường các tỷ lệ, giới hạn trong Luật Doanh nghiệp được quy định theo hai hướng. Đó là hướng các quy định cứng, ở đây luật quy định một tỷ lệ cứng bất di bất dịch và Đại hội đồng cổ đông phải tuân thủ. Và hướng các quy định tuỳ nghi, đó là dành quyền tự quyết cho Đại hội đồng cổ đông, ví dụ Đại hội đồng cổ đông được quyết định đầu tư bán tài sản bằng hoặc lớn hơn 35% giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất nếu điều lệ công ty không quy định một tỷ lệ hoặc giá trị khác [30].

Điều lệ của doanh nghiệp quy định toàn diện các nội dung của công ty ngoài các quy định pháp luật như về quản trị, quy định về kinh tế, lao động…

Nói tóm lại, Điều lệ được ví như bản "hiến pháp" của doanh nghiệp. Tất cả các hoạt động của doanh nghiệp ngoài cần thủ pháp luật đều phải tuân thủ Điều lệ và và các quy định dưới Điều lệ đó là các quy chế, nội quy, các nghị quyết của HĐQT, BKS.

Chính vì Điều lệ rất quan trọng cho nên khi xây dựng Điều lệ, ban lãnh đạo công ty và các cổ đông cần thể hiện sự khoa học, chi tiết, thuận tiện, linh hoạt, công bằng và minh bạch nhằm đảm bảo cho tổ chức và hoạt động của doanh nghiệp được thông suốt.

Với tầm quan trọng của Điều lệ, các Luật Doanh nghiệp trước đây cũng như Luật Doanh nghiệp 2014 đã quy định cụ thể về nội dung và thể thức xây dựng, sửa đổi, bổ sung Điều lệ. Trong đó, với tư cách là cơ quan quyền lực, cơ quan quyết định của công ty, Đại hội đồng cổ đông có quyền sửa đổi, bổ sung Điều lệ của công ty. Ngay cả khi thông qua nội dung sửa đổi, bổ sung Điều lệ, giống một số ít các nội dung đặc biệt quan trọng khác của công ty, phương thức thông qua của Đại hội đồng cổ đông cũng có những điều khác biệt (chỉ thông qua theo phương thức trực tiếp – tại cuộc họp; thông qua với tỷ lệ tán thành cao hơn). Điều lệ quy định những nội dung cơ bản trong quản trị nội bộ, trong tổ chức, hoạt động của công ty, trong đó có các quy định về/liên quan Đại hội đồng cổ đông. Sau khi nội dung sửa đổi, bổ sung của Điều lệ công ty được thông qua bởi Đại hội đồng cổ đông thì quay trở lại, Đại hội đồng cổ đông phải tuân thủ các quy định của Điều lệ công ty về mình. Đương nhiên, như các nội dung đã được phân tích ở phần trên thì các quy định trong Điều lệ công ty nói chung, quy định về Đại hội đồng cổ đông nói riêng không trùng với quy định của pháp luật; một số quy định cụ thể hóa các quy định của pháp luật trên cơ sở sự cho phép của Nhà nước và cụ thể hóa ý chí của chủ sở hữu của công ty về nội dung quản trị doanh nghiệp liên quan đến vai trò của Đại hội đồng cổ đông.

1.5. Lịch sử phát triển của pháp luật Việt Nam về địa vị pháp lý của Đại hội đồng cổ đông trong công ty cổ phần

Ngay sau khi tiến hành đổi mới, ngày 21/12/1990 Quốc hội khoá VIII đã thông qua hai đạo luật quan trọng nhằm tạo dựng thể chế pháp lý của kinh tế thị trường đó là Luật Công ty và Luật Doanh nghiệp tư nhân. Hai đạo luật này là bước đột phá, tạo nền tảng pháp lý cho kinh tế tư nhân, phát triển có có chỗ đứng về mặt pháp lý trong nền kinh tế quốc dân[24].

Sở dĩ nói như vậy, bởi vì trước khi chưa có Nghị quyết đại hội VI nền kinh tế nước ta vận hành theo cơ chế tập trung, quan liêu bao cấp. Theo cơ chế này phần lớn tư liệu sản xuất trong xã hội được tập trung vào một mối duy nhất đó là Nhà nước. Nhà nước thông qua hệ thống các cơ quan hành chính và các đơn vị trực thuộc vừa tiến hành kinh doanh vừa quản lý hoạt động kinh doanh. Do đó các thành phần kinh tế khác không có điều kiện phát triển, nếu có chỉ là những cơ sở kinh doanh nhỏ lẻ, vụn vặt. Điều này kìm hãm, hạn chế tiềm năng của các thành phần kinh tế trong xã hội. Xuất phát từ lý luận và thực tiễn đó, Đại hội VI đã chỉ ra những sai lầm, khuyết điểm và tiến hành cải cách kinh tế. Chính vì vậy Luật Doanh nghiệp Tư nhân và Luật Công ty được ra đời.

Luật Doanh nghiệp Tư nhân và Luật Công ty ra là cơ sở bảo đảm pháp cho sự phát triển của nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, vận động theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước, khuyến khích, tạo điều kiện cho các thành phần trong xã hội tập trung huy động các nguồn lực để đầu tư kinh doanh phát triển kinh tế. Ngoài ra, Luật Công ty 1990 ra đời còn góp phần quan trọng trong việc hoàn thiện pháp luật kinh tế, khắc phục những khuyết tật trong các văn bản pháp luật trước đây.

Trong gần 10 năm tồn tại những thành tựu mà Luật Công 1990 và Luật Doanh nghiệp Tư nhân đã góp phần phát triển kinh tế nói chung và kinh tế tư nhân nói riêng một cách rất ngoạn mục. Trong thời gian này đã có hơn 38.000

doanh nghiệp được đăng ký với tổng số vốn khoảng 21.000 tỷ đồng. Các doanh nghiệp đã tạo được hơn 500.000 công ăn việc làm và gần 8% GDP. [19] [32]

Mặc dù mới định hình cơ bản trong cơ cấu quản trị công ty cổ phần nhưng Luật Công ty 1990 đã quy định bộ khung quản trị công ty cổ phần bao gồm Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Quyền của cổ đông- người chủ sở hữu công ty mới được quy định cơ bản như về chia lợi nhuận và tham dự Đại hội đồng cổ đông. Những nội dung như điều hành, giao dịch với các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc… chưa được đề cập.[24]

Trong môi trường cạnh tranh Luật Doanh nghiệp cần những quy định rõ ràng và thông thoáng hơn, cộng với sự ra đời hàng loạt các đạo luật khác như Bộ luật Dân sự, Luật Thương Mại, Luật Khuyến khích đầu tư trong nước dẫn đến nhu cầu cấp thiết phải thay thế Luật Công ty 1990. Chính vì vậy Luật Doanh nghiệp năm 1999 ra đời.

Luật Doanh nghiệp năm 1999 được ban hành với một trình độ lập pháp và tư duy kinh tế tiên tiến hơn. Quyền của các cổ đông đã được quy định tương đối đầy đủ và hợp lý. Các cơ quan như Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc được quy định tương đối chi tiết về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức cùng sự phối hợp, vận hành giữa các cơ quan này.

Tuy nhiên, sau một thời gian thực hiện nền kinh tế phát triển mức độ phức tạp hơn và tư duy về nhận thức pháp luật và áp dụng pháp luật của người dân và doanh nghiệp được nâng cao, chính vì vậy Luật Doanh nghiệp 1999 đã không còn phù hợp, có nhiều bất cập nảy sinh liên quan tới vấn đề quản trị nội bộ trong công ty cổ phần. Vì vậy, Luật Doanh nghiệp 2005 ra đời nhằm khắc phục những vấn đề trên, đồng thời nó làm tương thích với các đạo

luật khác nhằm phát triển kinh tế như Luật Chứng khoán 2006, Luật Các tổ chức tín dụng 2004…

Về vấn đề quản trị công ty, Luật Doanh nghiệp 2005 tương đối cởi mở nhằm tạo ra cơ chế nhanh gọn cho hoạt động điều hành doanh nghiệp. Tuy nhiên, do tương đối mở trong vấn đề quyết định đầu tư và bán tài sản trong khi quy mô doanh nghiệp lại tăng lên gấp nhiều lần cho nên thẩm quyền của Hội đồng quản trị trên thực tế là rất lớn (*Hội đồng quản trị được chấp thuận phê duyệt các giao dịch có giá trị nhỏ hơn 50% tổng giá trị tài sản doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất).* Chính vì vậy sự lạm dụng quyền lực của Hội đồng quản trị của nhiều doanh nghiệp lớn đã gây ra sự đổ vỡ hàng loạt các doanh nghiệp lớn trong thời gian đó.[26]

Về điều kiện để một cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong Luật Doanh nghiệp 2005 cũng tương đối cao (*tỷ lệ lần đầu 65%).* Đây là tỷ lệ chỉ phù hợp đối với các doanh nghiệp với quy mô nhỏ, không đại chúng và các cổ đông ở cùng địa phương hoặc có khoảng cách địa lý gần nhau. Tỷ lệ này không phù hợp với các doanh nghiệp với quy mô vốn lên tới hàng ngàn tỷ đồng và các cổ đông nằm rải rác khắp nước, thậm chí có cổ đông có quốc tích nước ngoài (nhà đầu tư nước ngoài). Điều này là một trở ngại cho doanh nghiệp khi tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông, nhất là đối với các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bất thường.

Ngoài ra, tỷ lệ biểu quyết thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo Luật Doanh nghiệp 2005 cũng tương đối cao (*tỷ lệ 75%).* Điều này gây bất lợi cho doanh nghiệp khi tiến hành các cải cách cũng như quyết định các phương án kinh doanh một cách chậm chạp hơn, nhất là trong nền kinh tế số hoá như những năm gần đây.[25]

Sau gần 10 năm thực hiện Luật Doanh nghiệp 2005, chúng ta đã đạt được những thành tựu nhất định, tuy nhiên do đời sống kinh tế vận động phát triển hàng ngày, tư duy quản trị được nâng cao, quy mô doanh nghiệp được

mở rộng, cơ hội sản xuất kinh doanh yêu cầu mức độ số hoá, chính vì vậy Luật Doanh nghiệp 2014 ra đời nhằm khắc phục những nhược điểm trước đây của Luật Doanh nghiệp 2005.

Với 10 chương và 213 điều, Luật Doanh nghiệp 2014 được coi là bước tiến mới nhằm đưa trình độ lập pháp và khung pháp lý cho doanh nghiệp nước ta tiệm cận với thế giới, mặt khác tạo cơ hội cho doanh nghiệp Việt Nam vươn ra chiếm lĩnh thị trường nước ngoài, đặc biệt trong lĩnh vực xuất khẩu và đầu tư ra nước ngoài.[30]

Luật Doanh nghiệp 2014 là bước đột phá mới, tuy nhiên trong các lĩnh vực liên quan một số ngành luật như Luật Chứng khoán 2006, Luật Các tổ chức tín dụng 2010… vẫn còn dựa trên nền Luật Doanh nghiệp 2005 nên vẫn còn nhiều bất cập, đặc biệt đối với các công ty đại chúng đang niêm yết trên thị trường chứng khoán. Đây là một trong những yêu cầu cấp thiết của nền kinh tế, vì vậy chúng ta hy vọng trong thời gian tới Quốc hội sẽ sớm sửa đổi, bổ sung những đạo luật trên cho phù hợp với Luật Doanh nghiệp 2014 nhằm tạo cho doanh nghiệp một môi trường kinh doanh đồng bộ và thuận lợi.

Kết luận chương 1

Trên cơ sở phân tích về mặt lý luận và pháp lý cho thấy Đại hội đồng cổ đông được ra đời và gắn liền với công ty cổ phần ở các nước trên thế giới từ rất lâu. Xét về lý luận, Đại hội đồng cổ đông là một bộ phận tất yếu tồn tại trong công ty cổ phần để bảo đảm yếu tố quản trị doanh nghiệp hiệu quả. Trong đó, Đại hội đồng cổ đông được xác định là bộ phận quyền lực, quyết định các vấn đề cơ bản liên quan đến sự sống còn, đến tổ chức hoạt động của công ty cổ phần. Trong cơ cấu tổ chức quản lý của công ty cổ phần cần có một bộ phận quan trọng, có vị thế như vậy là bởi đó là nơi tập chung ý chí của chủ sở hữu công ty, những người góp vốn vào công ty – cổ đông. Với tâm thế là chủ, cổ đông cần có một nơi, một địa chỉ, một cơ chế… để quyết định các

vấn đề cốt yếu của công ty, các vấn đề liên quan đến hoạt động sản xuất – kinh doanh hướng tới đạt được mục tiêu chung của công ty và mục tiêu kinh doanh của người chủ sở hữu.

Tại Việt Nam, sau khi Đảng và Nhà nước đổi mới chuyển từ nền kinh tế tập trung bao cấp sang nền kinh tế thị trường có sự định hướng của Nhà nước thì từ những năm 1990 cho đến nay, Luật Doanh nghiệp mà tiền thân là Luật Công ty trong quy định về công ty cổ phần đều xây dựng địa vị pháp lý của Đại hội đồng cổ đông với tính chất là một trong những vấn đề rất quan trọng khi quy định về cơ cấu tổ chức quản lý của loại hình công ty này. Tất nhiên, các quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông trong công ty cổ phần theo mỗi luật doanh nghiệp *(Luật Công ty 1990, Luật Doanh nghiệp 1999, Luật Doanh nghiệp 2005 và Luật Doanh nghiệp 2014)* có những quy định khác nhau, dựa trên kế thừa kinh nghiệm của thế giới và phù hợp với tình hình phát triển kinh tế và dân trí của Việt Nam qua các thời kỳ.

Chính vì vậy, xây dựng và nâng cao địa vị pháp lý của Đại hội đồng cổ đông chính là sự quan tâm của pháp luật và cổ đông nhằm thúc đẩy sự phát triển lớn mạnh của doanh nghiệp, góp phần tăng trưởng kinh tế. Để làm rõ hơn, luận văn sẽ đi sâu vào phân tích, làm rõ thực trạng địa vị pháp lý của Đại hội đồng cổ đông trong công ty cổ phần ở Việt Nam theo Luật Doanh nghiệp 2014.

Chương 2
THỰC TRẠNG ĐỊA VỊ PHÁP LÝ CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG TRONG CÔNG TY CỔ PHẦN THEO LUẬT DOANH NGHIỆP 2014 VÀ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN

2.1. Quy định về Đại hội đồng cổ đông trong cơ cấu tổ chức quản lý của công ty cổ phần theo Luật doanh nghiệp 2014

Theo Luật Doanh nghiệp 2014 tại Điều 134 có quy định về mô hình quản trị trong công ty cổ phần. Theo Luật này cơ cấu tổ chức của công ty cổ phần có thể tổ chức theo 02 mô hình mà phụ thuộc chủ yếu vào số lượng cổ đông. Ngoài ra, mô hình tổ chức quản lý của công ty cổ phần còn phụ thuộc vào cơ cấu thành viên (thành viên là tổ chức) và cơ cấu vốn (tổ chức sở hữu dưới hay trên 50% vốn của công ty).

Các mô hình tổ chức quản lý của công ty cổ phần theo Luật Doanh nghiệp 2014 như sau:

Mô hình 1: Mô hình không có Ban kiểm soát

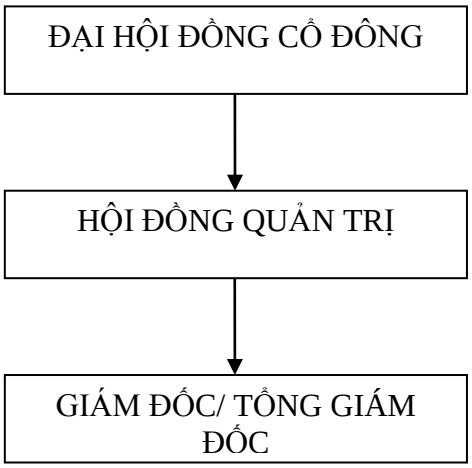

Đây là mô hình áp dụng đối với công ty cổ phần có dưới 11 cổ đông trở xuống *(lựa chọn Ban kiểm soát là không bắt buộc)*. Tuy nhiên để áp dụng mô

hình này thì Hội đồng quản trị phải có ít nhất là 20% số thành viên độc lập và có Ban kiểm toán nội bộ trực thuộc Hội đồng quản trị *(Khoản 1 điểm a, b điều 134 Luật Doanh nghiệp 2014)*.[30]

Mô hình 2: Mô hình quản trị có Ban kiểm soát

Đây là mô hình áp dụng bắt buộc đối với công ty cổ phần có 11 cổ đông trở lên.

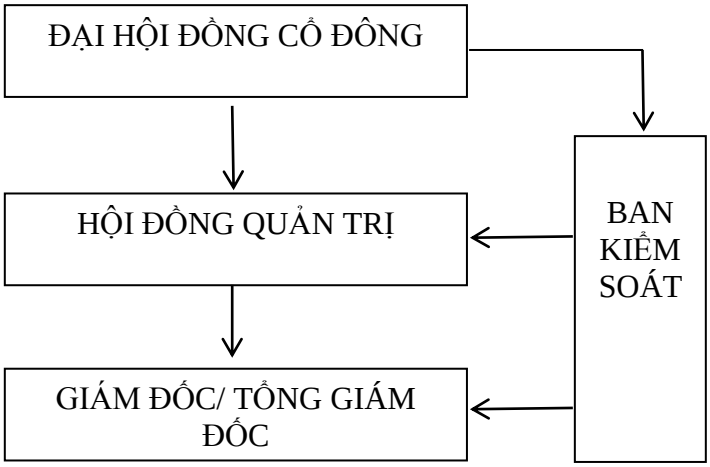

Như vậy về cơ bản thì quy định về cơ cấu tổ chức quản lý công ty cổ phần theo Luật Doanh nghiệp 2005 và Luật Doanh nghiệp 2014 là tương đối giống nhau. Biểu hiện cụ thể là:

- Công ty cổ phần vẫn có 2 mô hình tổ chức quản lý là mô hình tổ chức quản lý có 3 hoặc mô hình tổ chức quản lý có 4 bộ phận.

- Tên gọi và vị trí của các bộ phận như nhau: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc tổng giám đốc, Ban kiểm soát với các chức năng tương tự.

- Tiêu chí xác định lập mô hình tổ chức chủ yếu vẫn là số lượng cổ đông, trong đó số lượng cổ động trở thành tiêu chí vẫn là 11 cổ đông; tiêu chí phụ là tổ chức sở hữu lượng nhất định về vốn (50%) cùng được ghi nhận.

Tuy nhiên, về nội dung và về kỹ thuật lập pháp thì quy định của Luật Doanh nghiệp 2005 và Luật Doanh nghiệp 2014 có một số khác biệt căn bản sau đây. [26], [30]

Điều 95 Luật Doanh nghiệp 2005 quy định: *"Công ty cổ phần có Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và Giám đốc hoặc Tổng giám đốc; đối với công ty cổ phần có trên mười một cổ đông là cá nhân hoặc có cổ đông là tổ chức sở hữu trên 50% tổng số cổ phần của công ty phải có Ban kiểm soát."*

Điều 134 Luật Doanh nghiệp 2014 quy định:

"1. Công ty cổ phần có quyền lựa chọn tổ chức quản lý và hoạt động theo một trong hai mô hình sau đây, trừ trường hợp pháp luật về chứng khoán có quy định khác:

a) Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Giám đốc hoặc Tổng giám đốc. Trường hợp công ty cổ phần có dưới 11 cổ đông và các cổ đông là tổ chức sở hữu dưới 50% tổng số cổ phần của công ty thì không bắt buộc phải có Ban kiểm soát;

b) Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và Giám đốc hoặc Tổng giám đốc. Trường hợp này ít nhất 20% số thành viên Hội đồng quản trị phải là thành viên độc lập và có Ban kiểm toán nội bộ trực thuộc Hội đồng quản trị. Các thành viên độc lập thực hiện chức năng giám sát và tổ chức thực hiện kiểm soát đối với việc quản lý điều hành công ty." [30]

Điểm khác nhau thứ nhất giữa Luật Doanh nghiệp 2014 và Luật Doanh nghiệp 2005 đó là Luật Doanh nghiệp năm 2005 quy định mô hình chuẩn là mô hình có 3 bộ phận gồm Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và quy định bộ phận thứ 4 làm hình thành mô hình tổ chức quản lý thứ hai gồm 4 bộ phần. Trong khi đó, Luật Doanh nghiệp 2014 quy định ngược lại, lấy mô hình chuẩn là mô hình gồm 4 bộ phận là Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và quy định trường hợp không nhất thiết có bộ phận thứ 4 là Ban

kiểm soát dẫn đến mô hình chỉ có 3 bộ phận. Đây là sự khác biệt thể hiện trong kỹ thuật lập pháp, kỹ thuật trình bày quy phạm pháp luật.

Điểm khác nhau thứ hai là Luật Doanh nghiệp 2005 không bắt buộc đối với Doanh nghiệp có 11 cổ đông trở xuống phải có Ban Kiểm soát trong khi đó Luật Doanh nghiệp 2014 trao quyền tự quyết cho Doanh nghiệp có 11 cổ đông trở xuống là có quyền lựa chọn có hoặc không có Ban Kiểm soát trong cơ cấu tổ chức của mình. Điều này chứng tỏ sự trao quyền quyết định và tôn trọng sự tự chủ lựa chọn mô hình tổ chức sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp của Luật Doanh nghiệp 2014 theo hướng cởi mở hơn việc quy định cứng trong Luật Doanh nghiệp 2005.

Điểm khác nhau thứ ba giữa Luật Doanh nghiệp 2014 và Luật Doanh nghiệp 2005 đó là quy định về trường hợp áp dụng mô hình không có Ban kiểm soát thì Hội đồng quản trị phải có ít nhất 20% thành viên độc lập và phải thành lập Ban kiểm toán nội bộ trực thuộc Hội đồng quản trị. Đây là quy định mới nhằm tăng cường sự giám sát đối với hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban giám đốc, bởi vì trong thời gian qua không ít doanh nghiệp có quy mô dưới 11 cổ đông mà trong quá trình hoạt động Hội đồng quản trị và Ban giám đốc quyết định nhiều vấn đề trái luật, gây thiệt hại cho doanh nghiệp và các cổ đông khác. Quy định này có tính chất hình thành *điều kiện kép* hoặc có thể hiểu là yêu cầu về việc thiết lập bổ sung cho Ban Quản trị, cho bộ phận kiểm toán, kiểm soát trong điều kiện không lập Ban kiểm soát mặc dầu đã thỏa mãn các điều kiện về không thành lập Ban kiểm soát.

Điểm khác nhau thứ tư giữa Luật Doanh nghiệp 2014 và Luật Doanh nghiệp 2005 đó là trong khi Luật Doanh nghiệp 2005 không quy định *ngoại trừ* một cách rõ ràng về mô hình tổ chức quản lý thì Luật Doanh nghiệp 2014 quy định rường hợp ngoại trừ không lập mô hình tổ chức quản lý theo quy định của Luật Doanh nghiệp đó là: "*trừ trường hợp pháp luật về chứng khoán*

có quy định khác". Trường hợp ngoại trừ này sẽ tổ chức quản lý theo quy định của pháp luật về thị trường chứng khoán.

Tựu chung lại, mặc dù cơ cấu quản trị của doanh nghiệp cho dù theo Luật Doanh nghiệp 2005 hoặc Luật Doanh nghiệp 2014 thì riêng phần Đại hội đồng cổ đông có thay đổi thay đổi không đáng kể, về cơ bản trong các mô hình tổ chức quản lý vẫn có Đại hội đồng cổ đông và Đại hội đồng cổ đông vẫn là cơ quan quyết định cao nhất trong doanh nghiệp.

2.2. Quy định về hình thức, thủ tục, quy trình họp Đại hội đồng cổ đông trong công ty cổ phần

2.2.1. Hình thức Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan tập thể, do đó hoạt động của nó chính là các phiên họp Đại hội đồng cổ đông. Theo Luật Doanh nghiệp 2014 thì hình thức hoạt động Đại hội đồng cổ đông bao gồm hai loại phiên họp đó là loại phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và loại phiên họp Đại hội đồng cổ đông bất thường.[30]

Đại hội đồng cổ đông thường niên mỗi năm chỉ họp một lần và thời hạn họp diễn ra trong vòng 04 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính (Khoản1, 2 Điều 136). Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên phải diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam, trường hợp cuộc họp được tổ chức tại nhiều nơi thì địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ toạ tham dự họp.[30]

Luật Doanh nghiệp 2014 quy định cứng cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên mỗi năm một lần (Điều 136 Luật Doanh nghiệp 2014). Trong khi đó Luật Doanh nghiệp 2005 chỉ quy định điều khoản tuỳ nghi đó là chỉ cần một năm Đại hội đồng cổ đông doanh nghiệp phải họp ít nhất một lần cho dù đó là thường niên hay bất thường (Khoản 1 Điều 97 Luật Doanh nghiệp 2005).[26]

Đại hội đồng thường niên của công ty cổ phần thực hiện các công việc thuộc thẩm quyền của cơ quan lãnh đạo này theo quy định tại Khoản 2 Điều 135.

Đại hội đồng cổ đông bất thường cũng là một hình thức hoạt động quan trọng của công ty cổ phần nhằm giải quyết những vấn đề phát sinh, ảnh hưởng tới hoạt động bình thường của doanh nghiệp mà vượt quá thẩm quyền quyết định của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban giám đốc. Cơ sở cho cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bất thường được quy định trong Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

Theo tinh thần của luật thì có ba (03) đối tượng có thẩm quyền triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bất thường đó là Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trên 10% cổ phần phổ thông trở lên trong liên tục ít nhất sáu (06) tháng *(khoản 2 Điều 114 Luật Doanh nghiệp)* [30]. Mặc dù quy định ba (03) đối tượng trên có quyền triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bất thường, tuy nhiên việc triệu tập phải diễn ra tuần tự và cơ quan có trách nhiệm đầu tiên là Hội đồng quản trị, nếu Hội đồng quản trị không triệu tập đại hội thì đến lượt Ban kiểm soát và nếu Ban kiểm soát không thực hiện thì mới đến lượt cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trên 10% cổ phần phổ thông nêu trên có quyền triệu tập. Và trong trường hợp này, pháp luật quy định khi Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát không triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo trách nhiệm của mình thì thành viên của những cơ quan này sẽ phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho doanh nghiệp (*nếu có)* đối với hành vi không thực hiện trách nhiệm theo quy định (*Khoản 3,4,5,6 Điều 136 Luật Doanh nghiệp 2014).*[30]

2.2.2. Thủ tục, quy trình họp Đại hội đồng cổ đông

Để tổ chức được một cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thành công người triệu tập phải chuẩn bị rất nhiều công đoạn, chương trình, nội dung cuộc họp.

Việc thông báo cuộc họp Đại hội đồng cổ đông của công ty cổ phần tại Việt Nam hiện nay có sự khác biệt một chút giữa công ty cổ phần thông thường và công ty cổ phần đại chúng niên yết trên sàn chứng khoán. Đối với công ty không phải là công ty đại chúng thì việc thông báo cuộc họp không

nhất thiết phải đăng tải website hoặc phương tiện thông tin. Còn với công ty cổ phần là công ty đại chúng và niêm yết trên sàn chứng khoán thì trước khi chốt danh sách cổ đông, công ty phải thông báo công khai trên website, trên phương tiện thông tin đại chúng về kế hoạch, ngày giờ dự kiến tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Các nội dung cụ thể mà Công ty đại chúng phải thực hiện khi công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của công ty bao gồm:

Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông;

- Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông;
- Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông;
- Cách thức bỏ phiếu;
- Cách thức kiểm phiếu, đối với những vấn đề nhạy cảm và nếu cổ đông có yêu cầu, công ty đại chúng phải chỉ định tổ chức độc lập thực hiện việc thu thập và kiểm phiếu;
- Thông báo kết quả kiểm phiếu;
- Cách thức phản đối quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- Lập biên bản Đại hội đồng cổ đông;
- Thông báo quyết định Đại hội đồng cổ đông ra công chúng;
- Các vấn đề khác.

Như vậy, riêng bước công bố thông tin mặc dù cùng là công ty cổ phần nhưng có sự khác biệt giữa công ty đại chúng và công ty không phải là công ty đại chúng. Sở dĩ có sự khác biệt như vậy là pháp luật nhằm bảo vệ cho các cổ đông của công ty đại chúng, vì số lượng cổ đông của các công ty này rất lớn có từ 100 cổ đông trở lên.

Để xác định nhân sự - danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông, người quản lý công ty phải chốt danh sách cổ đông. Việc chốt danh sách cổ đông này có thể được trích xuất từ sổ cổ đông của công ty (đối

với công ty không niêm yết) hoặc trích xuất từ trung tâm lưu ký (đối với công ty đại chúng đang niêm yết trên sàn). Danh sách cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông phải tuân thủ theo các quy định tại điều 137 Luật Doanh nghiệp 2014. [30]

Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông (*Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, cổ đông - nhóm cổ đông lớn theo khoản 2 Điều 114 Luật Doanh nghiệp 2014)* phải chuẩn bị chương trình, nội dung cuộc họp. [30]

Các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải tuân thủ theo nội dung, chương trình đã được chuẩn bị và gửi trước kèm theo Thông báo mời họp.

Như vậy, cho dù là cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên hay bất thường thì việc phải chuẩn bị chương trình, nội dung cuộc họp là bắt buộc. Tại sao lại phải quy định cuộc họp phải có nội dung, chương trình sẵn gửi trước như vậy, điều này có thể lý giải đó là vì cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một năm chỉ diễn ra một hoặc vài lần nhằm đưa ra quyết định về những vấn đề quan trọng, do đó để cuộc họp được chất lượng, phải gửi nội dung cho các cổ đông có thời gian nghiên cứu trước, và hơn nữa do thời gian họp không kéo dài nên cần tập trung các vấn đề quan trọng, tránh lan man mất thời gian và có nguy cơ cuộc họp không đi đúng hướng và vỡ trận.

Ngoài các quy định cứng tại các điểm từ a cho đến e của khoản 2 điều 136 Luật Doanh nghiệp 2014 này thì Luật còn quy định một điểm mở nữa mang tính dẫn chiếu và tính quyền tự quyết của cổ đông tại điểm g của Khoản 2 điều 136 này đó là "*Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền".* Sự dẫn chiếu này thể hiện cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên tối thiểu phải bao gồm các nội dung quy định tại khoản 2 điều 136 Luật Doanh nghiệp 2014. Ngoài ra có thể gồm các nội dung khác được quy định tại khoản 2 điều 135 Luật Doanh nghiệp 2014 quy định về thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.[30]

Về công tác triệu tập, cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bất thường cũng là một trong những hình thức hoạt động của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội

đồng cổ đông bất thường do một trong ba đối tượng yêu cầu triệu tập đó là Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và cổ đông/nhóm cổ đông (theo khoản 2 Điều 114 Luật Doanh nghiệp 2014). Riêng về quy định triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường của Hội đồng quản trị, Luật Doanh nghiệp 2014 có hẳn một điểm quy định nghĩa vụ của Hội đồng quản trị phải triệu tập trong các trường hợp sau:

- Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty;

- Số thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật;

- Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 114 của Luật này;

- Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;

- Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

Hội đồng quản trị là cơ quan trước tiên phải có trách nhiệm triệu tập Đại hội đồng cổ đông. Ngoài ra nó còn có nghĩa vụ triệu tập theo yêu cầu của Ban kiểm soát hoặc cổ đông/nhóm cổ đông (theo khoản 2 Điều 114). Trường hợp mặc dù Ban kiểm soát và cổ đông/nhóm cổ đông (theo khoản 2 Điều 114) đã có yêu cầu nhưng Hội đồng quản trị vẫn không triệu tập Đại hội đồng cổ đông như theo luật định thì Ban kiểm soát mới có quyền triệu tập. Nếu Ban kiểm soát không triệu tập thì cổ đông/nhóm cổ đông (theo khoản 2 điều 114) mới có quyền triệu tập.

Riêng về vấn đề triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông này Luật Doanh nghiệp 2014 cụ thể tại khoản 4, 5 còn quy định vấn đề Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm vật chất đó là bồi thường thiệt hại phát sinh do hành vi không triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do những lý do quy định tại khoản 3 Điều 136 Luật Doanh nghiệp và hành vi không triệu tập có gây ra hậu quả vật chất.

Rõ ràng quy định về trách nhiệm vật chất đối với hành vi không tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông cũng chính là một trong những cơ chế ràng buộc trong cơ cấu quản lý công ty cổ phần. Điều này giúp các Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát có trách nhiệm hơn đối với hành vi của họ, ngoài ra còn tạo ra một công cụ cho các cổ đông gián tiếp can thiệp, quyết định sớm các vấn đề quan trọng đối với doanh nghiệp mà họ là người chủ sở hữu.

Để thực hiện quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông, các cổ đông có thể tham dự trực tiếp hoặc uỷ quyền bằng văn bản cho người khác tham dự (*Điều 140 Luật Doanh nghiệp).* Việc Luật Doanh nghiệp dẫn chiếu quy định về uỷ quyền theo Bộ Luật Dân sự chính là thể hiện hậu quả pháp lý của người được uỷ quyền, thực hiện thay cũng chính là quyết định của người uỷ quyền - người chủ sở hữu cổ phần.

Một trong những điểm quan trọng trong phần thủ tục và điều kiện để tiến hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong doanh nghiệp đó là phải xác định được người điều hành đại hội. Theo Điều 142 Luật Doanh nghiệp 2014 thì cơ cấu những người điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bao gồm chủ toạ, thư ký và ban kiểm phiếu. Đây là những thành phần không thể thiếu trong mỗi kỳ họp Đại hội đồng cổ đông. Chủ toạ là người điều hành cuộc họp được diễn ra theo đúng nội dung và chương trình đã được gửi trước cho các cổ đông và nội dung chương trình này được thông qua trong phiên khai mạc. Theo quy định tại khoản 2, điểm a của Điều 142 Luật Doanh nghiệp 2014 thì Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ đương nhiên làm Chủ toạ các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập; trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số; trường hợp không bầu được người làm chủ tọa thì Trưởng Ban kiểm soát điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp; Trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp

Đại hội đồng cổ đông điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.[30]

2.3 Nội dung, cơ chế hoạt động của Đại hội đồng cổ đông

2.3.1 Nội dung hoạt động của Đại hội đồng cổ đông

Nội dung hoạt động Đại hội đồng cổ đông là các công việc mà Đại hội đồng cổ đông thực hiện. Nội dung này chính là chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Đại hội đồng cổ đông trong tổ chức và hoạt động của công ty. Phù hợp với vị trí, vai trò là cơ quan quyền lực cao nhất, cơ quan ra quyết định cao nhất, các Luật Doanh nghiệp trước đây, Luật Doanh nghiệp 2014 đã quy định cụ thể về nội dung này. Nội dung hoạt động của Đại hội đồng cổ đông cơ bản được thể hiện qua quyền và nghĩa vụ của Hội đồng cổ đông và thông qua nội dung họp Đại hội đồng cổ đông.

Về quyền và nghĩa vụ của Đại đồng cổ đông, Khoản 2 Điều 135 Luật Doanh nghiệp 2014 quy định gồm [30]:

- Thông qua định hướng phát triển của công ty;
- Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hàng năm của từng loại cổ phần;
- Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, kiểm soát viên;
- Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty nếu Điều lệ công ty không quy định một tỷ lệ hoặc một giá trị khác;
- Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;
- Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
- Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
- Xem xét và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát gây thiệt hại cho công ty và cổ đông công ty;
- Quyết định tổ chức lại, giải thể công ty;

Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật này và Điều lệ công ty.[30]

Để phân tích sâu hơn về các quyền của Đại hội đồng cổ đông chúng ta nhóm một số các quyền chủ yếu thành các nhóm như sau, nhóm về tổ chức, nhóm về tài chính, nhóm về định hướng phát triển.

Về nhóm các quyền liên quan đến công tác tổ chức của công ty được tập trung vào các quy định về tổ chức, cơ cấu lại doanh nghiệp, giải thể và bầu hoặc miễn nhiệm các thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Tổ chức doanh nghiệp là một quyền quan trọng của chủ sở hữu, chính vì vậy quyền tổ chức về mặt cơ cấu doanh nghiệp cũng như các chức danh quan trọng trong doanh nghiệp Luật Doanh nghiệp 2014 và các Luật Doanh nghiệp trước đó đều quy định các quyền này thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

Chức năng về tổ chức như đề cập phần trên bao gồm lựa chọn, quyết định cơ cấu tổ chức và bộ máy nhân sự cấp cao. Vì là người bỏ vốn để kinh doanh nên hơn ai hết cổ đông là người được quyết định vấn đề nhân sự, tổ chức quản lý của doanh nghiệp. Cổ đông thực hiện quyền năng này thông qua Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông chính là cơ quan quyết định tổ chức bộ máy doanh nghiệp của mình như thế nào đề hoạt động sản suất kinh doanh được hiệu quả. Đại hội đồng cổ đông có thể lựa chọn mô hình quản trị một tầng (hội đồng đơn) được tổ chức phần lớn ở các công ty luật theo Thông luật (Common law) [32] cấu trúc bao gồm Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng giám đốc hoặc lựa chọn mô hình Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.

Nhân sự cấp cao (thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát) là một trong những vấn đề quan trọng thuộc trách nhiệm của Đại hội đồng cổ đông. Việc quyết định số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát như thế nào cho phù hợp với tình hình hoạt động của doanh nghiệp mình cũng như

việc lựa chọn nhân sự trong hai cơ quan quan trọng này do Đại hội đồng cổ đông thực hiện. Bên cạnh chức năng tổ chức, Đại hội đồng cổ đông còn có chức năng giám sát và xem xét xử lý vi phạm, mặc dù chức năng này tương tự như chức năng của Ban kiểm soát, tuy nhiên nó mang tính chất cấp cao hơn. Cụ thể Đại hội đồng cổ đông có quyền thông qua Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị; Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc; Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và của từng Kiểm soát viên. Đại hội đồng cổ đông giám sát để quyết định tán thành hoặc không tán thành các báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban giám đốc hoặc các đơn thư khiếu nại của cổ đông, người liên quan đối với các thành viên thuộc các cơ quan nêu trên. Đây là một trong những nội dung thể hiện rõ nét nhất địa vị pháp lý của Đại hội đồng cổ đông. Bởi nó không chỉ thể hiện tính quyền lực thông qua hoạt động có tính chất giám sát của Đại hội đồng cổ đông mà đặc biệt là thể hiện mới quan hệ với các bộ phận khác trong tổ chức quản lý của doanh nghiệp đó là Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát, trong đó Đại hội đồng cổ đông dường như có vị trí cao hơn.

Bên cạnh các quyền về tổ chức, Đại hội đồng cổ đông còn có nhóm các quyền về tài chính bao gồm quyền thông qua báo cáo tài chính, quyền quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại, quyết định mức cổ tức hàng năm, quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất. Các quyền về tài chính chính là sự thể hiện quyền lực của chủ sở hữu đối với tài sản của mình. Luật Doanh nghiệp 2014 quy định các quyền quyết định liên quan tới tài chính doanh nghiệp đối với các vấn đề quan trọng trong Doanh nghiệp của Đại hội đồng cổ đông. [30]

Các quyết định về tài chính hơn ai hết chủ sở hữu-tất cả các cổ đông phải là người quyết định chứ không thể giao cho các đại diện (Hội đồng quản trị) quyết định thay. Đại hội đồng cổ đông quyết định nhiều nội dung về vấn đề này như loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại; quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty, hoặc một tỷ lệ, giá trị khác nhỏ hơn do Điều lệ công ty quy định; thông qua báo cáo tài chính hằng năm. Việc phân định thẩm quyền cho Hội đồng quản trị quyết định các vấn đề này thương được giới hạn trong luật và Điều lệ của doanh nghiệp. Việc phân định và uỷ quyền liên quan tới vấn đề tài chính này thể hiện sự linh hoạt trong hoạt động sản xuất kinh doanh cho Hội đồng quản trị bởi vì đây là cơ quan thường trực. Tuy nhiên việc giao và ủy quyền quyền lực cho Hội đồng quản trị cũng chỉ ở một giới hạn nào đó nhằm tránh sự lạm quyền của Hội đồng quản trị.

Về định hướng phát triển doanh nghiệp cũng là một vấn đề quan trọng trong doanh nghiệp, đây cũng là quyền của chủ sở hữu, quyền này không thể chuyển giao cho các đối tượng khác, nó thể hiện quyền lực và ý chí của chủ sở hữu mong muốn con đường mà doanh nghiệp của mình sẽ đi trong tương lai như thế nào.

Trong nội dung này, Đại hội đồng cổ đông có quyền sửa đổi, bổ sung các nội dung của Điều lệ công ty; Định hướng phát triển công ty. Trong đó, Điều lệ của công ty được coi là "Hiến pháp" điều chỉnh toàn bộ nội dung liên quan đến quan hệ nội bộ trong công ty mà pháp luật không quy định nhưng công ty thấy cần phải điều chỉnh. Mặc dù quy định của Điều lệ có tính định hướng hoạt động của công ty, tuy nhiên nó lại đề cập tới tất cả các vấn đề quan trọng nhất của công ty, trong đó cả về tổ chức, nhân sự, tài chính, quan hệ nội bộ khác… Với tính chất quan trọng của Điều lệ, nội dung cơ bản của nó được Luật Doanh nghiệp 2014 quy định và nó phải được cơ quan nhà nước có thẩm quyền xem xét ngay tại thời điểm thành lập công ty.

Để thực hiện quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông, khoản 2 Điều 136 Luật Doanh nghiệp 2014 đã quy định rõ ràng thẩm quyền của cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên là thảo luận và thông qua các nội dung sau đây:

"

a) Kế hoạch kinh doanh hằng năm của công ty;

b) Báo cáo tài chính hằng năm;

c) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;

d) Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc;

đ) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và của từng Kiểm soát viên;

e) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;

g) Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền.

..." [30]

Về cơ bản thì cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông là phương thức để thực hiện quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông. Tuy nhiên, thực tế thì Đại hội đồng cổ đông có các phương thức hoạt động khác để thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình, chẳng hạn tổ chức cuộc họp bất thường, lấy ý kiến bằng văn bản… nên cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bất thường không giải quyết tất cả những nội dung là quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông. Xong, có thể khẳng định rằng cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên là một trong những phương thức hoạt động quan trọng nhất nên nó giải quyết về cơ bản các nội dung là quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông.

So sánh giữa quy định về nội dung cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên giữa hai Luật Doanh nghiệp ta thấy, ngoài điểm giống nhau đó là mục Báo cáo tài chính hàng năm và mức cổ tức đối với cổ phần từng loại thì

Luật Doanh nghiệp 2014 có sự thay đổi mang tính quy trách nhiệm hơn đối với Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Luật Doanh nghiệp 2005 chỉ để cập Báo cáo của Hội đồng quản trị đánh giá thực trạng công tác kinh doanh của công ty thì đến Luật Doanh nghiệp 2014 đã cụ thể và chi tiết trách nhiệm hơn đó là yêu cầu Hội đồng quản trị phải báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên. Như vậy, theo Luật Doanh nghiệp 2014 việc Hội đồng quản trị và từng thành viên sẽ phải báo cáo kết quả hoạt động của mình trong năm trước Đại hội đồng cổ đông chính là sự trách nhiệm hoá đối với hoạt động chuyên trách, tránh việc chỉ đánh giá mang tính bề ngoài, đồng thời gắn trách nhiệm của họ phải sát sao hơn trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh cùng Ban giám đốc công ty. Và hơn nữa, việc cụ thể hoá trách nhiệm của Hội đồng quản trị và thành viên sẽ giúp cho Đại hội đồng cổ đông thêm thông tin kịp thời đánh giá và hành động, hoặc bổ sung, thay đổi định hướng kinh doanh, tái cơ cấu doanh nghiệp, thay đổi các thành viên Hội đồng quản trị nếu thấy cần thiết mặc dù chưa hết nhiệm kỳ.

Riêng về Ban kiểm soát, trong chương trình họp Đại hội đồng cổ đông thường niên cũng thay đổi. Theo Luật Doanh nghiệp 2014, Ban kiểm soát không chỉ Báo cáo về quản lý công ty của Hội đồng quản trị và Ban giám đốc mà còn phải Báo cáo kết quả hoạt động của hai cơ quan điều hành này, ngoài ra còn phải báo cáo kết quả kinh doanh của công ty. Như vậy bên cạnh việc báo cáo hoạt động của các cơ quan Hội đồng quản trị và Ban giám đốc thì theo Luật Doanh nghiệp 2014 Ban kiểm soát cũng phải có trách nhiệm giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh và kết quả của hoạt động này trước Đại hội đồng cổ đông.

Rõ ràng Luật Doanh nghiệp 2014, trong chương trình họp Đại hội đồng cổ đông thường niên đã quan tâm và tập trung vào nhiệm vụ và kết quả hoạt

động sản xuất - kinh doanh hơn và quy trách nhiệm của các cơ quan trực tiếp điều hành, giám sát hoạt động hàng ngày của doanh nghiệp.

Đánh giá một cách tổng thể việc cụ thể hoá như vậy cho thấy Đại hội đồng cổ đông thường niên của công ty cổ phần theo Luật Doanh nghiệp 2014 mang tính cụ thể hoá trách nhiệm của các cơ quan hơn và mang tính kinh tế nhiều hơn. Điều này phản ánh về mặt kỹ thuật lập pháp và thực trạng pháp luật ngày càng phù hợp hơn đối với đời sống kinh tế, góp phần thúc đẩy sản xuất kinh doanh phát triển.

2.3.2. Phương thức hoạt động của Đại hội đồng cổ đông

Là cơ quan lãnh đạo cao nhất, việc bàn bạc, thảo luận, thống nhất đai đến ban hành nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông là một nội dung quan trọng được Luật Doanh nghiệp 2014 quy định rõ ràng. Đây cũng là phương thức để Đại hội đồng cổ đông thể hiện được sức mạnh, quyền lực của chủ sở hữu, thực tiễn hóa sức mạnh quyền lực của họ trong công việc của công ty.

Một trong những điểm quan trọng nhất trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đó là phải quy định điều kiện để nghị quyết được thông qua. Điều 144 Luật Doanh nghiệp 2014 quy định các điều kiện để nghị quyết được thông qua như sau:

"1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành; tỷ lệ cụ thể do Điều lệ công ty quy định:

a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;

b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;

c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty;

d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty, hoặc tỷ lệ, giá trị khác nhỏ hơn do Điều lệ công ty quy định;

đ) Tổ chức lại, giải thể công ty;

e) Các vấn đề khác do Điều lệ công ty quy định.

2. Các nghị quyết khác được thông qua khi được số cổ đông đại diện cho ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều này; tỷ lệ cụ thể do Điều lệ công ty quy định.

3. Trường hợp Điều lệ công ty không quy định khác, việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

4. Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết tán thành; tỷ lệ cụ thể do Điều lệ công ty quy định. " [30]

So với Luật Doanh nghiệp 2005 thì tỷ lệ cổ đông đại diện tham dự họp thông qua nghị quyết theo Luật Doanh nghiệp 2014 đã được giảm xuống. Đối với các vấn đề quan trọng trong doanh nghiệp thì tỷ lệ thông qua nghị quyết được giảm từ 75% xuống còn 65% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp tán thành. Các vấn đề khác còn lại thì tỷ lệ cũng được giảm từ 65% theo Luật Doanh nghiệp 2005 trở về trước xuống còn 51% tổng số phiếu biểu

quyết của cổ đông dự họp tán thành theo Luật Doanh nghiệp 2014. Sở dĩ có việc giảm tỷ lệ tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp tán thành là các lý do như đã phân tích về các lý do giảm tỷ lệ tham dự họp của đại diện các cổ đông có quyền biểu quyết trong luận văn này.

Ngoài việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông một cách trực tiếp, Luật Doanh nghiệp 2014 cũng như các Luật Doanh nghiệp trước đó đều quy định việc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông (Điều 145 Luật Doanh nghiệp 2014). Thực tế việc quy định phương thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản cũng là một trong những phương thức kinh tế nhất đối với doanh nghiệp so với việc phải triệu tập một cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Đây cũng là một cách nhằm giúp cho doanh nghiệp quyết định các vấn đề theo thẩm quyền được nhanh chóng, đúng pháp luật và đáp ứng được nhu cầu sản xuất kinh doanh. Tuy nhiên, việc lấy ý kiến bằng văn bản là việc rất phức tạp, do đó phải tuân thủ đúng các điều kiện theo quy định và việc kiểm phiếu phải cẩn trọng, khách quan, trung thực thì mới đáp ứng được tính hợp pháp của phương thức này. Thực tế thì Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của một số công ty hiện nay cấu kết với nhau dùng phương pháp này nhằm làm sai lệch nội dung, kết quả của việc lấy ý kiến các cổ đông nhằm trục lợi hoặc che đậy những kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh yếu kém của doanh nghiệp mình.

Mặc dù Đại hội đồng cổ đông là cơ quan quyết định cao nhất trong công ty cổ phần, chính vì vậy nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực ngay. Tuy nhiên Luật Doanh nghiệp vẫn quy định cơ chế giám sát trực tiếp từ phía các cổ đông/nhóm cổ đông (theo quy định tại khoản 2 Điều 114 Luật Doanh nghiệp 2014) và trao quyền cho họ được yêu cầu Toà án hoặc Trọng tài xem xét quyết định huỷ bỏ một phần hoặc toàn bộ nội dung nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp vi phạm các quy định về không thực hiện đúng trình tự thủ tục theo Luật và Điều lệ (trừ quy định tại

khoản 2 Điều 148 Luật Doanh nghiệp 2014) hoặc nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ công ty.[30]

Một trong những điểm mới khác của Luật Doanh nghiệp 2014 so với Luật Doanh nghiệp trước đó là quy định về biểu quyết Đại hội đồng cổ đông thông qua hội nghị trực tuyến. Liên quan đến vấn đề này có hai điều khoản trong Luật Doanh nghiệp 2014 đề cập và bổ sung cho nhau đó là khoản 1 Điều 136 và khoản 2 Điều 140, cụ thể:

Khoản 1 Điều 136 :" *... Trường hợp cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tổ chức đồng thời ở nhiều địa điểm khác nhau thì địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp."*

Khoản 2 Điều 140: "*... Cổ đông được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp sau đây:*

...

c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử." [30]

Vậy thông qua hội nghị trực tuyến theo tinh thần của hai điều luật trên được hiểu là như thế nào cho đúng. Đây không phải là phương thức mỗi cổ đông ngồi tại địa chỉ riêng của mình rồi cùng kết nối tới công ty tại một thời điểm để họp là có thể tổ chức được cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Theo quan điểm của tôi thì cuộc họp Đại hội đồng cổ đông vẫn phải tổ chức ở những địa điểm nhất định do doanh nghiệp tổ chức. Và tại các địa điểm tổ chức đó doanh nghiệp vẫn tiến hành các thủ tục như thông thường đó là đăng ký cổ đông, tổ chức sắp xếp chỗ họp, hướng dẫn thảo luận theo chương trình và phát các phiếu biểu quyết... việc kết nối các địa điểm họp được thông qua phương tiện thông tin trực tuyến. Việc tổ chức ở các địa điểm nhất định ở nhiều nơi khác nhau nhằm mục đích tạo điều kiện tối đa cho các cổ đông ở

nhiều địa phương khác nhau cùng tham gia cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách thuận tiện, vì hiện nay có rất nhiều công ty đại chúng có quy mô vốn hoá lớn, số lượng cổ đông nhiều và cư trú trên nhiều địa bàn Với khoảng cách xa nhau. Mặt khác, trường hợp cổ đông ở xa nếu tập trung về họp tại một địa điểm nhất định do công ty triệu tập còn tốn nhiều thời gian, công sức và tiền bạc. Với tính cách của nhà kinh tế, cổ đông sẽ lựa chọn việc tham gia dự họp hay không tham gia dự họp dựa vào chi phí cơ hội. Theo đó, cổ đông có thể không lựa chọn tham gia dự họp. Như vậy, quyền làm chủ của cổ đông bị tước bỏ là điều không cần thiết. Mặt khác, quy định của pháp luật hiện hành về bỏ phiếu thông qua hội nghị trực tuyến cũng là cách tạo cơ hội để công ty tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông bằng được khi các cổ đông có thể tham gia bỏ phiếu ở mức cao nhất và cao hơn hình thức tham gia cuộc họp trực tiếp và bỏ phiếu trực tiếp.

Để có thể tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông thì các cổ đông phải đến dự họp theo một tỷ lệ nhất định nhằm đảm bảo được các quyết định dựa trên đa số đại diện cho quyền lợi của tất cả các cổ đông. Chính vì vậy nên pháp luật các nước cũng như Việt Nam đều cụ thể hoá bằng luật định tỷ lệ tối thiểu để cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được hợp lệ. Tỷ lệ đại diện của các cổ đông dự họp theo pháp luật Việt Nam được thay đổi dựa vào các thời kỳ lịch sử khác nhau và trình độ phát triển của dân trí, của nền kinh tế, của nội tại doanh nghiệp. Luật Doanh nghiệp 2005 trở về trước tỷ lệ cổ đông dự họp đại diện ít nhất phải là 65% tổng số phiếu biểu quyết dự họp thì mới hợp lệ, đến Luật Doanh nghiệp 2014 tỷ lệ này đã được điều chỉnh xuống mức thấp hơn đó là 51% tổng số cổ đông biểu quyết (*khoản 1 Điều 141 Luật Doanh nghiệp 2014)* [30]. Sở dĩ có sự điều chỉnh giảm như vậy là do những nguyên nhân như:

Thứ nhất, nền kinh tế Việt Nam ngày càng hội nhập sâu rộng vào kinh tế quốc tế, hiện nay có rất nhiều doanh nghiệp và tập đoàn lớn đang đầu

tưdưới hình thức trực tiếp và gián tiếp nên các tập quán, thói quen về kinh doanh thương mại cũng phải tương đồng để tạo điều kiện cho môi trường kinh doanh được thuận lợi.

Thứ hai, Việt Nam hiện nay tham gia vào nhiều các hiệp định, điều ước quốc tế, vì vậy pháp luật trong nước cũng phải có sự điều chỉnh cho phù hợp với sự cam kết của các điều ước quốc tề này (WTO, ASEAN, Việt Mỹ, Việt Nam –Nhật Bản...).[9]

Thứ ba, chính trong nội tại của pháp luật và nền kinh tế nước ta đã lớn mạnh hơn, quy mô doanh nghiệp đã mở rộng và tăng lên rất nhiều về số lượng cổ đông, cơ cấu cổ đông (cá nhân, tổ chức, người nước ngoài, cá nhân nước ngoài, nhà nước), về quy mô vốn… cho nên, việc để đạt được tỷ lệ như quy định của Luật Doanh nghiệp 2005 trở về trước là rào cản cho doanh nghiệp tổ chức được cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Chính vì vậy giảm tỷ lệ xuống 51% cũng chính là một bước giảm rào cản cho doanh nghiệp hoạt động.

Ngoài ra, tỷ lệ đại diện trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông còn phụ thuộc vào tỷ lệ cụ thể được quy định tại Điều lệ của công ty (*khoản 1 Điều 141 Luật Doanh nghiệp 2014)*. Quy định này của Luật Doanh nghiệp 2014 và các Luật Doanh nghiệp trước đây là tương đối giống nhau. Sở dĩ ngoài tỷ lệ tối thiểu theo luật định như phân tích ở phần trên lại có những tỷ lệ khác theo Điều lệ là bởi Luật Doanh nghiệp chỉ tạo khung tối thiểu, ngoài ra mỗi công ty có thể tự quyết theo những đặc điểm, đặc thù riêng của doanh nghiệp mình mà pháp luật cho phép và các cổ đông tán thành trong Điều lệ.

Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được coi là hợp lệ theo Điều 141 Luật Doanh nghiệp lần lượt là 51% cho lần triệu tập đầu tiên, 33% cho lần triệu tập lần thứ hai *(nếu lần 1 không thành vì lý do không đủ tỷ lệ cổ đông đến dự họp)* và lần thứ 3, cuộc họp được mặc nhiên tiến hành không phụ thuộc vào số lượng, tỷ lệ cổ đông dự họp.[30]

Việc giảm dần các tỷ lệ cổ đông tham gia dự họp và đến lần thứ 3 đó là bỏ hẳn tỷ lệ tối thiểu cổ đông dự họp nhằm tạo hành lang pháp lý đảm bảo cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải luôn được diễn ra tránh tình trạng treo cuộc họp và dẫn tới bế tắc cho doanh nghiệp vì không tổ chức được cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Bởi vì trong thực tế, việc không tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông của các cổ đông có rất nhiều lý do chủ quan và khách quan, đặc biệt là lý do các cổ đông tranh giành quyền lực thâu tóm doanh nghiệp nên dùng nhiều phương pháp nhằm cản trở sự hoạt động bình thường của doanh nghiệp và ảnh hưởng tới quyền lợi hợp pháp của cổ đông khác.

Xét về quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông, Luật Doanh nghiệp 2014 so với Luật Doanh nghiệp 2005 chỉ có thêm một hai điều chỉnh về tỷ lệ quyết định khi đầu tư hay bán tài sản doanh nghiệp. Cụ thể, Luật Doanh nghiệp 2005 tại Điều 96 khoản 2 điểm d quy định, Đại hội đồng cổ đông được quyền: *"Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty nếu Điều lệ công ty không quy định một tỷ lệ khác*" [26]. Trong khi đó Luật Doanh nghiệp 2014 tại Điều 135 khoản 2 điểm d lại quy định: *"Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty nếu Điều lệ công ty không quy định một tỷ lệ hoặc một giá trị khác"* [30]. Việc chuyển đổi tăng thẩm quyền đầu tư và bán tài sản doanh nghiệp cho Đại hội đồng cổ đông có nghĩa là giảm bớt quyền của Hội đồng quản trị. Tại sao lại có sự thay đổi này giữa Luật Doanh nghiệp 2005 và Luật Doanh nghiệp 2014. Câu trả lời chính là Luật Doanh nghiệp 2005 trao thẩm quyền quá cao cho Hội đồng quản trị (quyết định bán hoặc đầu tư giá trị tài sản lên tới 50% tổng tài sản theo Báo cáo tài chính gần nhất). Điều này dẫn tới việc lạm dụng quyền hành của Hội đồng quản trị và có thể gây thất thoát tài sản, làm thiệt hại đối với lợi ích của các cổ đông, vì Hội đồng quản trị chỉ là cơ quan đại

diện và thường trực cho Đại hội đồng cổ đông. Hơn nữa, quy mô của các doanh nghiệp thời điểm có Luật Doanh nghiệp 2005 giá trị vốn hoá tương đối nhỏ so với các doanh nghiệp thời điểm của Luật Doanh nghiệp 2014. Hiện nay, giá trị vốn hoá của các doanh nghiệp đại chúng trên hai (02) sàn chứng khoán ở nước ta tới hàng nghìn tỷ chiếm rất nhiều. Chính vì vậy, nếu quy đổi ra giá trị và vẫn giữ tỷ lệ như Luật Doanh nghiệp 2005 quy định thì thẩm quyền của Hội Đồng quản trị sẽ đặc biệt lớn về mặt kinh tế, do đó có thể gây rủi ro cho doanh nghiệp.

Ngược trở lại việc gia tăng tỷ lệ quyết định về cho Đại hội đồng cổ đông không phải không có những bất lợi cho doanh nghiệp. Bất lợi thứ nhất đó là vì để triệu tập một cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường mất rất nhiều thời gian, vì số lượng cổ đông rất lớn, nơi cư trú ở khắp đất nước, thậm chí còn có cả cổ đông nước ngoài. Tình trạng này có thể ảnh hưởng tới việc thực hiện kế hoạch sản xuất - kinh doanh so với triệu tập một cuộc họp Hội đồng quản trị với sự đơn giản hơn nhiều. Thứ hai, vì cuộc họp Đại hội đồng cổ đông là đại chúng nên kế hoạch sản xuất - kinh doanh dễ bị lộ cho các đối thủ cạnh tranh chớp cơ hội nắm bắt thông tin. Thứ ba, vì cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phức tạp và thời gian chuẩn bị dài, chi phí lớn nên ảnh hưởng tới kinh tế của doanh nghiệp.

2.4 Mối quan hệ của Đại hội đồng cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, giám đốc/tổng giám đốc

2.4.1 Mối quan hệ giữa Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị

Mối quan hệ giữa Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị là một trong những mối quan hệ quan trọng nhất trong công ty cổ phần. Mặc dù Đại hội đồng cổ đông là cơ quan quyết định cao nhất, tuy nhiên Đại hội đồng cổ đông trung bình một năm chỉ họp một lần và chỉ quyết định các vấn đề quan trọng tầm vĩ mô, còn Hội đồng quản trị lại là cơ quan quản lý của công ty nên nhiệm vụ của nó chính là triển khai, đôn đốc thi hành chính các nghị quyết

của Đại hội đồng cổ đông. Mặc dù Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết các vấn đề lớn, tuy nhiên các chương trình, chiến lược, kế hoạch phát triển, kế hoạch kinh doanh... được bàn bạc tại Đại hội đồng cổ đông phần lớn là do Hội đồng quản trị soạn thảo hoặc thông qua và đưa vào chương trình họp của Đại hội đồng cổ đông. Trên thực tế rất ít các chương trình họp Đại hội đồng cổ đông được Ban kiểm soát hoặc cổ đông, nhóm cổ đông lớn kiến nghị và đưa vào chương trình họp của Đại hội đồng cổ đông, trừ phi tại các doanh nghiệp đang có sự tranh chấp quyền lực.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 149 Luật Doanh nghiệp 2014, Hội đồng quản trị có trách nhiệm thực hiện các công việc sau để tổ chức Đại Hội đồng cổ đông:

"... Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;

Trình báo cáo quyết toán tài chính hằng năm lên Đại hội đồng cổ đông;

Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể, yêu cầu phá sản công ty..."[30]

Chính vì Hội đồng quản trị chuẩn bị tất cả các khâu trong quá trình họp Đại hội đồng cổ đông nên sự ảnh hưởng, tác động từ Hội đồng quản trị đến Đại hội đồng cổ đông là tất yếu. Hơn nữa, vì Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý công ty nên hơn ai hết, Hội đồng quản trị nắm rất rõ, tường tận và đánh giá được tình hình của doanh nghiệp mình hiện tại như thế nào, trong khi đó các cổ đông khi họp Đại hội đồng cổ đông chỉ được biết đến thông qua chương trình họp đã được Hội đồng quản trị chuẩn bị sẵn, lại ít thời gian nghiên cứu, không có tài liệu chi tiết cho nên thường không hiểu rõ bản chất vấn đề và dễ bị định hướng theo dư luận. Ngoài ra, thông thường ở Việt Nam

hiện nay các cổ đông khi đi họp chỉ quan tâm đến cổ tức mình được chia bao nhiêu, như thế nào mà không quan tâm hoặc phó mặc cho Hội đồng quản trị điều hành, cho nên cũng là một dạng uỷ quyền mặc định, phó thác đồng vốn của mình vào tay Hội đồng quản trị. Vì vậy có hiện tượng ở nhiều doanh nghiệp, Hội đồng quản trị chính là người giật dây, điều khiển Đại hội đồng cổ đông, và có thể nói Đại hội đồng cổ đông ở những doanh nghiệp đó là mang tính hình thức, "diễn kịch" bản do Hội đồng quản trị đã chuẩn bị sẵn.

Tuy nhiên, nói chiều ngược lại cũng vì các cổ đông nhiều người không am hiểu kinh doanh, không tường tận vấn đề, không rõ bản chất do không có thông tin từ trước và không đánh giá hết được cho nên nếu không có các chương trình, kế hoạch do Hội đồng soạn thảo trình lên thì cuộc họp Đại hội đồng cổ đông sẽ dẫn tới "vỡ trận', không ra được một nghị quyết về kế hoạch gì. Do đó đây là sự ảnh hưởng, tác động mang tính tích cực từ Hội đồng quản trị tới các cổ đông, và Đại hội đồng cổ đông chỉ thảo luận các chương trình và thông qua nghị quyết.

2.4.2 Mối quan hệ giữa Đại hội đồng cổ đông với Ban kiểm soát

Theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 135 Luật Doanh nghiệp 2014 thì thành viên Ban kiểm soát là do Đại hội đồng cổ đông bầu, miễn nhiệm và quyết định số lượng [30]. Chính vì vậy có thể hiểu một cách thông thường, đây là mối quan hệ này như cấp trên và cấp dưới. Ban kiểm soát được Đại hội đồng cổ đông sinh ra, tạo lập lên và thực thi các nhiệm vụ được giao đó là vấn đề kiểm soát các hoạt động để tuân thủ pháp luật, quy chế Hội đồng quản trị, Ban giám đốc... trong công ty.

Mối quan hệ giữa Đại hội đồng cổ đông và Ban kiểm soát trong công ty cổ phần hiện nay tương đối mờ nhạt. Thực tế mối quan hệ này mờ nhạt do sự phối hợp không tốt mà còn do sự yếu kém trong việc thể hiện vai trò của mình của Ban kiểm soát. Trong công ty cổ phần, quyền lực của Hội đồng quản trị là quá lớn và mặc dù được trao các quyền năng theo Luật cũng như Điều lệ công

ty, nhưng Ban kiểm soát hầu như chỉ là "cái bóng" của Hội đồng quản trị và Ban giám đốc. Sự hoạt động không hiệu quả của Ban kiểm soát một phần do quy chế pháp lý về quyền và nghĩa vụ của nó chưa được rõ ràng, mặt khác, trên thực tế thì các thành viên của Ban kiểm soát còn e dè, không dám chịu trách nhiệm khi thực thi nhiệm vụ của mình. Sự phối hợp không tốt giữa các cơ quan, phòng ban, bộ phận trong doanh nghiệp, sự đề phòng khi tiếp xúc cũng như làm việc với Ban kiểm soát dẫn đến việc đánh giá, thu thập thông tin và xử lý các tài liệu của Ban kiểm soát gặp khó khăn nhiều hơn so với Hội đồng quản trị.

2.4.3 Mối quan hệ giữa Đại hội đồng cổ đông với Giám đốc hoặc Tổng giám đốc

Mối quan hệ giữa Đại hội đồng cổ đông với Giám đốc/ Tổng giám đốc mặc dù không phải là quan hệ báo cáo trực tiếp, nhưng đây vẫn là quan hệ giữa ông chủ và người làm thuê. Giám đốc/Tổng giám đốc mặc dù không phải do Đại hội đồng cổ đông bổ nhiệm, thuê trực tiếp mà thông qua gián tiếp đó là cơ quan cấp dưới của Đại hội đồng cổ đông là Hội đồng quản trị. Trong bản báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh từ Hội đồng quản trị hay từ báo cáo đánh giá kết quả kinh doanh của công ty từ Ban kiểm soát cũng chính là sự đánh giá gián tiếp vai trò của giám đốc/tổng giám đốc.

Theo hướng tác động từ trên xuống dưới thì Đại hội đồng cổ đông ra nghị quyết rồi giao cho Hội đồng quản trị thi hành, Hội đồng quản trị phân chia thực hiện kế hoạch và giao Giám đốc/Tổng giám đốc thực hiện. Ngược lại, sự tác động từ Giám đốc/Tổng giám đốc đến Đại hội đồng cổ đông thể hiện ở chỗ khi thực hiện cụ thể hoá các nghị quyết thì kết quả sản xuất kinh doanh chính là sự phản ánh khách quan các kế hoạch, mục tiêu của nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

2.5. Thực trạng thực thi quy định của Luật Doanh nghiệp 2014 về Đại hội đồng cổ đông trong công ty cổ phần và một số vấn đề đặt ra

Như đã phân tích trong phần trên của luận văn, Luật Doanh nghiệp 2014 đã quy định khá đầy đủ, chi tiết và có một số nội dung thay đổi theo hướng tiến bộ, phù hợp thực tiễn hơn đối với Đại hội đồng cổ đông trong công ty cổ phần. Đây là điều kiện thuận lợi cho việc áp dụng các quy định này của Luật Doanh nghiệp 2014. Mặt khác, Luật doanh nghiệp 2014 vừa được sửa đổi, bổ sung trong thời gian ngắn, do vậy những nội dung sửa đổi, bổ sung chưa kịp phát huy hiệu lực, hiệu quả trong thực tiễn, bởi thực tế thì quá trình áp dụng luật có những độ trễ nhất định so với quá trình ban hành luật. Do vậy, những hạn chế của những nội dung sửa đổi, bổ sung của Luật Doanh nghiệp 2014 chưa hoàn toàn bộc lộ rõ. Với sự cố gắng của bản thân, với kinh nghiệm hoạt động thực tiễn học viên cho rằng, ngoài một số hạn chế của các nội dung sửa đổi, bổ sung về Đại hội đồng cổ đông trong công ty cổ phần thì những nội dung được kế thừa về Đại hội đồng cổ đông trong công ty cổ phần theo Luật Doanh nghiệp 2005 cũng đang bộc lộ một số hạn chế nhất định. Đó có thể là những hạn chế mang tính cố hữu của quá trình thực thi pháp luật nói chung, thực thi Luật Doanh nghiệp nói riêng, đồng thời đó có thể là hạn chế của quy định pháp luật mà thời điểm năm 2014 khi Luật Doanh nghiệp được sửa đổi, bổ sung chưa bộc lộ rõ nhưng đến nay đã bộc lộ rõ ràng hơn.

Quá trình thực thi quy định của Luật Doanh nghiệp 2014 về Đại hội đồng cổ đông trong công ty cổ phần đã bộc lộ một số tồn tại và đặt ra một số vấn đề như sau:

2.5.1 Hoạt động của Đại hội đồng cổ đông mang tính hình thức, tổ chức cuộc họp rất khó khăn

Với vai trò là người chủ sở hữu công ty và pháp luật công nhận là cơ quan có quyền quyết định cao nhất trong doanh nghiệp, hiện nay có rất nhiều

cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thành công mỹ mãn như các doanh nghiệp Vinamilk, Vingroup, Hoà Phát... bên cạnh đó còn nhiều cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bị méo mó, mang tính hình thức, không đúng bản chất, không phát huy được tinh thần của luật định về quyền của cổ đông. Sở dĩ có thể nói hoạt động của Đại hội đồng cổ đông hiện nay đa số mang tính hình thức bởi vì bản thân nó là một cơ quan hoạt động tập thể của rất nhiều thành phần khác nhau trong xã hội có quyền sở hữu cổ đông. Hơn nữa Đại hội đồng cổ đông được tổ chức và triển khai phụ thuộc rất nhiều vào các cơ quan khác như Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban giám đốc và một số cơ quan liên quan bên ngoài như Trung tâm lưu ký chứng khoán, Uỷ ban chứng khoán (đối với các công ty đại chúng) [7]. Đặc biệt sự ảnh hưởng sâu và rộng nhất đối với Đại hội đồng cổ đông chính là Hội đồng quản trị - cơ quan thường trực thừa hành các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Sở dĩ Hội đồng quản trị thực hiện được những điều như vậy là do pháp luật trao cho Hội đồng quản trị nhiều quyền năng quan trọng trong doanh nghiệp. Bản thân Hội đồng quản trị là cơ quan thường trực và có quyền hành nên việc lạm dụng quyền lực là điều không tránh khỏi. Mặt khác sự kiểm soát lỏng lẻo, mờ nhạt không hoàn thành được chức năng nhiệm vụ của Ban kiểm soát cũng góp phần cho Hội đồng quản trị thâu tóm quyền lực. Các cổ đông hiện nay cũng không ý thức được hết các quyền hạn của mình trong việc tham gia vào điều hành hoặc quyết sách cho doanh nghiệp hoặc thờ ơ chỉ quan tâm tới các lợi ích ngắn hạn (như các cổ đông "*lướt sóng"* chỉ quan tâm tới cổ phiếu lên xuống trong các phiên giao dịch mà không quan tâm tới sự phát triển hoặc kinh doanh dài hạn của công ty.

Hội đồng quản trị là cơ quan chuẩn bị nội dung, chương trình của Đại hội đồng cổ đông nên sự ảnh hưởng, của Hội đồng quản trị lên các nội dung chương trình họp là tất yếu. Bởi Hội đồng quản trị sẽ chuẩn bị các kịch bản có lợi nhất cho mình khi đưa ra các nội dung, chương trình họp Đại hội đồng cổ

đông. Tại nhiều công ty, Hội đồng quản trị chuẩn bị các nội dung, chương trình và tài liệu rất công phu nhưng lại là những tài liệu nhằm bao biện, che dấu nhằm loè bịp, qua mắt các cổ đông trong các kỳ đại hội.

Mặc dù theo quy định của pháp luật, cụ thể là các cổ đông/nhóm cổ đông (theo quy định tại khoản 2 Điều 114 Luật Doanh nghiệp 2014) có quyền gửi bổ sung các nội dung chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, tuy nhiên các kiến nghị này phải được gửi trước 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc và thường thì các kiến nghị này bị Hội đồng quản trị mượn nhiều lý do để bác bỏ nếu các kiến nghị xung đột quan điểm, lợi ích với Hội đồng quản trị.

Một biểu hiện của tính hình thức khác là Đại hội đồng cổ đông không được tổ chức trên thực tế hoặc bị nhầm lẫn với Hội đồng quản trị. Đó là thực tiễn trong các công ty cổ phần quy mô nhỏ hoặc công ty gia đình. Các công ty này không tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông là một trong những hiện tượng phổ biến ở nước ta hiện nay. Đây là những công ty mặc dù hình thức đăng ký hoạt động là công ty cổ phần nhưng quy mô cổ đông chỉ vài người, chủ yếu là 3 người để đủ điều kiện thành lập theo luật định. Tất cả các vấn đề lớn ở công ty này, mặc dù có thể thông qua cuộc họp, nhưng ở đây có sự lẫn lộn giữa Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông. Các cổ đông hoặc lãnh đạo công ty không được trang bị kiến thức rằng trường hợp nào phải họp Hội đồng quản trị hoặc trường hợp nào cần phải họp Đại hội đồng cổ đông. Chính vì thế ở một số công ty dạng này, từ khi thành lập chưa bao giờ tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông, chỉ khi cần thay đổi đăng ký kinh doanh thì mới soạn các Nghị quyết họp Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của hồ sơ trên cơ sở của các đơn vị tư vấn luật.

Một trong những điển hình về hoạt động mang tính hình thức của Đại hội đồng cổ đông tại công ty cổ phần có quy mô nhỏ và công ty gia đình là do việc thành lập ban đầu mang tính chất quan hệ gần gũi nên việc phân định tỷ lệ tham gia đóng góp trong công ty chỉ có tính tương đối, do đó các cổ đông

này không tìm hiểu và không quan tâm tới mặt pháp lý. Tuy nhiên đến khi xảy ra các mâu thuẫn và cần các cơ sở pháp lý thì việc không phân định chức năng, không phân định hoạt động của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông sẽ dẫn tới không có cơ sở pháp lý để bảo vệ hoặc quy trách nhiệm đối với người làm sai dẫn tới hậu quả thiệt hại cho công ty.

Thậm chí, nhiều công ty cổ phần do chủ sở hữu mặc dù chỉ là một người nhưng do thích được thành lập công ty cổ phần, không thích lập công ty TNHH một thành viên nên những người chủ sở hữu thực chất này nhờ vả người thân, người quen đứng hộ tên sở hữu cổ phần nhằm mục đích đủ điều kiện về số lượng thành viên để đăng ký kinh doanh. Ở những trường hợp này, hầu hết người chủ sở hữu ký thay tất cả các cổ đông khác (*các cổ đông đứng tên hộ)* trong tất cả các giấy tờ pháp lý liên quan đến công ty từ đơn đăng ký thành lập, Điều lệ, danh sách cổ đông, các biên bản họp Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông. Như vậy, có thể thấy hoạt động của Đại hội đồng cổ đông ở các công ty như thế này do một người quyết định hoàn toàn và nó mang tính hình thức. Đây cũng là một trong những vi phạm pháp luật về cấu trúc công ty, tuy nhiên việc xử lý nó rất phức tạp, vì rất khó tìm ra được đâu là trường hợp đứng tên hộ do những người trong cuộc không đứng ra tố cáo hoặc yêu cầu thay đổi. Những trường hợp phát hiện ra chỉ là do mâu thuẫn giữa người nhờ đứng tên và người đứng tên hộ. Chính vì thế nên một số trường hợp pháp luật không thể bảo vệ được quyền lợi cho người nhờ đứng tên khi người đứng tên hộ lật lọng nhằm chiếm đoạt số cổ phần mà họ mang tên hộ.

Ngoài ra, cuộc họp Đại hội đồng cổ đông khó được tổ chức do sự thay đổi chủ sở hữu. Luật Doanh nghiệp hiện nay quy định cổ đông/nhóm cổ đông nắm 10% cổ phần phổ thông và liên tục trong ít nhất 06 tháng thì mới có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông [30]. Ở một số công ty nơi Nhà nước thoái vốn và đấu giá cổ phần chi phối

thành công, những chủ sở hữu cổ phần mới thay Nhà nước rất muốn tiếp cận quản lý ngay công ty để tránh thất thoát tài sản nhưng không thể được vì họ không thể nào tiếp cận được quyền lực nếu ban lãnh đạo cũ cố tình không bàn giao, không hợp tác. Và con đường duy nhất của họ là phải chờ cho đến 06 tháng sau mới có quyền yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông để tham gia vào quản lý công ty. Như vậy đây là một cản trở rất lớn đối với mong muốn tiếp cận quản lý công ty một cách chính đáng của nhà đầu tư. Hơn nữa việc bàn giao sớm quyền lực sẽ hạn chế được hiện tượng thất thoát, rút ruột công ty từ ban lãnh đạo cũ của doanh nghiệp.

2.5.2 Hoạt động của Đại hội đồng cổ đông chưa chuyên nghiệp

Để hoạt động của Đại hội đồng cổ đông được chuyên nghiệp thì điều kiện cần thiết cần phải có đó là Hội đồng quản trị chuyên nghiệp, minh bạch, chủ toạ cuộc họp có năng lực và kinh nghiệm điều hành, các cổ đông cũng là những nhà đầu tư trung thành, am hiểu kiến thức và có tâm huyết đối với doanh nghiệp.

Về mặt nội dung chương trình và công tác chuẩn bị cho cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, nếu Hội đồng quản trị có năng lực và có tâm thì các nội dung, chương trình của cuộc họp Đại hội đồng cổ đông sẽ được chuẩn bị một cách chu đáo, kỹ lưỡng và khoa học, đồng thời các bước tiến hành theo thủ tục luật định cũng sẽ được thực hiện bài bản và chu đáo. Ngược lại, đối với nhiều Hội đồng quản trị trong các công ty hiện nay do chưa ý thức được tầm quan trọng của Đại hội đồng cổ đông hoặc cố tình xem nhẹ hoặc bưng bít thì đương nhiên công tác chuẩn bị về mặt nội dung cũng như thủ tục cho cuộc họp Đại hội đồng cổ đông sẽ bị xem nhẹ.

Vấn đề người điều hành Đại hội đồng cổ đông là rất quan trọng cho thành công của đại hội. Mặc dù xét trên khía cạnh đại hội là sự quyết định của tất cả các chủ sở hữu, tuy nhiên chúng ta cũng không thể phủ nhận được vai trò của người cầm cương, cầm lái khi điều hành trong các cuộc họp đông

người với nhiều quan điểm, lợi ích nhiều khi không đồng nhất. Do đó chủ toạ điều hành cần phải có những kỹ năng điều hành, diễn thuyết trước đám đông, có năng lực và uy tín cá nhân. Hiện nay theo quy định của khoản 2, điểm a Điều 142 Luật Doanh nghiệp 2014 thì chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ làm chủ toạ. Ngoài ra còn có thể là các thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được Đại hội đồng cổ đông bầu làm chủ toạ cuộc họp [30].

Hiện nay mặc dù chủ tịch Hội đồng quản trị về cơ bản là người thường xuyên điều phối, tổ chức các cuộc họp của Hội đồng quản trị, tuy nhiên không phải ai ngồi vào cái ghế chủ tịch Hội đồng quản trị cũng có được năng lực, kinh nghiệm và kiến thức để điều hành đám đông - các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được thành công.

Sự thiếu chuyên nghiệp trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông cũng đến từ các cổ đông trong công ty. Vì Đại hội đồng cổ đông là nơi tập hợp tất cả các cổ đông - chủ sở hữu cổ phần, do đó đây là nơi tập hợp rất nhiều người với trình độ hiểu biết khác nhau, tính cách khác nhau và những quan điểm, toan tính khác nhau, cho nên trong một cuộc họp chắc chắn xung đột xảy ra là điều không tránh khỏi.

Về phía cổ đông, tính thiếu chuyên nghiệp có thể do họ thiếu tầm nhìn, không có trình độ trong các lĩnh vực cần thảo luận, chỉ quan tâm cổ tức, quyền năng hạn chế không tác động nhiều đến kết quả ra quyết định và không mặn mà với việc phát triển công ty; cổ đông ngắn hạn, chỉ quan tâm lợi ích của bản thân nên xung đột với cổ đông quan tâm đến lợi ích phát triển công ty. Mặt khác, một thực tế là các cổ đông khi tới cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường bị thuyết phục bởi các lời hứa của những nhà lãnh đạo công ty nhưng họ lại thiếu năng lực để thuyết phục được các cổ đông khác trong phần chất vấn tại cộc họp.

Biểu hiện các của sự thiếu chuyên nghiệp trong hoạt động của các Đại hội đồng cổ đông là các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên đa số bị

trì hoãn, kéo dài và vi phạm về thời hạn họp. Theo quy định của Luật Doanh nghiệp 2014 thì công ty cổ phần phải tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong vòng 04 tháng kể từ khi kết thúc năm tài chính [30]. Tuy nhiên, thực tế rất nhiều công ty cổ phần vi phạm quy định này, thậm chí cả các công ty đại chúng. Bởi vì Hội đồng quản trị công ty có những lý do khác nhau mà cố tình trì hoãn triệu tập Đại hội, và thực tế cũng chưa có trường hợp nào bị kiện ra tòa, chưa có bản án nào tuyên trách nhiệm của Hội đồng quản trị do không triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đúng hạn theo luật định. Hơn nữa, các cổ đông cũng chưa ý thức được quyền của mình trong việc yêu cầu Hội đồng quản trị tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và những hậu quả pháp lý của việc vi phạm nghĩa vụ của Hội đồng quản trị.

Ngoài ra, việc vi phạm về thời hạn tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên còn xảy ra ở các công ty quy mô nhỏ như đã phân tích phần trên. Do nhận thức của người đứng đầu và các cổ đông cũng thấy không nhất thiết phải tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông nên họ cũng không thực hiện, mặt khác cũng không có chế tài pháp lý yêu cầu bắt buộc phải tổ chức và gửi nghị quyết tới cơ quan nhà nước tương tự như Báo cáo tài chính. Trong khi đó ở nước ta hiện nay số doanh nghiệp quy mô nhỏ và siêu nhỏ chiếm phần lớn trong nền kinh tế nên quy định về tổ chức và hoạt động của Đại hội đồng cổ đông là không được áp dụng như đúng tinh thần của luật.

Thêm vào đó, mức độ thiếu chuyên nghiệp trong hoạt động của Đại hội đồng cổ đông còn thể hiện ở việc các thủ tục, điều kiện, nội dung chương trình họp Đại hội đồng cổ đông thường xuyên bị vi phạm. Thực tế do nhiều cổ đông không hiểu biết, không nắm rõ được quy trình tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lãnh đạo doanh nghiệp coi thường và cắt xén không chuẩn bị đầy đủ dù Luật Doanh nghiệp 2014 quy định khá chi tiết và đầy đủ các bước, các điều kiện và phương thức triển khai cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Khó tổ chức được cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do yêu cầu của cổ đông/nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 114 Luật Doanh nghiệp 2014 về trường hợp yêu cầu họp liên quan tới quyền lợi và trách nhiệm của Hội đồng quản trị. Luật Doanh nghiệp 2014 có quy định về quyền yêu cầu tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông của cổ đông/nhóm cổ đông (theo khoản 2 Điều 114), tuy nhiên thông thường Hội đồng quản trị sẽ gây khó dễ, thậm chí còn không tổ chức cuộc họp theo đề nghị này. Bởi vì trong thực tế, nếu Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát không đứng ra tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thì cổ đông/nhóm cổ đông này rất khó đứng ra tổ chức cuộc họp vì gặp rất nhiều khó khăn trở ngại. Đó là khó khăn về việc không thể đóng dấu vào chương trình, giấy mời, khó khăn về việc không có đầy đủ thông tin về cổ đông và địa chỉ cổ đông để gửi, khó khăn về việc ứng kinh phí để chuẩn bị và tổ chức cuộc họp. Hơn nữa, cuộc họp do cổ đông/nhóm cổ đông này đứng ra tổ chức thường thất bại vì các cổ đông không có lòng tin vào một nhóm cổ đông không có tên tuổi, địa vị trong công ty. Đây là một thực tế trong đời sống kinh tế hiện nay của Việt Nam hiện nay. Trường hợp này xảy ra ở các công ty như Công ty cổ phần Xây lắp Bưu điện, Công ty cổ phần Sico Yên Sơn...

Vì các lý do trên hoạt động của Đại hội đồng cổ đông trong công ty cổ phần hiện nay chưa đạt chất lượng, hiệu quả trên thực tế. Vai trò của Đại hội đồng cổ đông chưa được phát huy, tại đây chỉ thực chất trong bầu bán các chức danh lãnh đạo; chưa có tác dụng trong thảo luận các định hướng phát triển công ty; không quyết định bán tài sản hoặc đầu tư của doanh nghiệp… Đây là vấn đề đặt ra trong quá trình hoàn thiện tiếp theo về địa vị pháp lý của Đại hội đồng cổ đông trong công ty cổ phần.

2.6. Quan điểm, yêu cầu và định hướng hoàn thiện pháp luật về địa vị pháp lý của Đại hội đồng cổ đông trong công ty cổ phần ở nước ta

Luật Doanh nghiệp 2014 là sự kế thừa và hoàn thiện Luật Doanh nghiệp 2005 - một đạo luật tương đối thành công góp phần phát triển kinh tế đất nước trong những năm vừa qua. Sự ra đời của Luật Doanh nghiệp 2014 là kết quả của sự tổng kết thực tiễn áp dụng và đánh giá môi trường kinh doanh trong giai đoạn kinh tế mới, nhận thức về tư duy kinh tế và pháp luật của các chủ thể tham gia kinh doanh. Trong quá trình xây dựng luật, Ban dự thảo luôn tuân thủ và xuyên suốt tư tưởng tự do kinh doanh và hạn chế sự can thiệp của mệnh lệnh hành chính vào quyền tự quyết của doanh nghiệp. Sự quản lý nhà nước về doanh nghiệp trong Luật Doanh nghiệp 2014 thiên về hướng giám sát hậu kiểm, xóa bỏ cơ chế xin cho, phê duyệt, không phân biệt đối xử các thành phần kinh tế dân doanh hay có vốn đầu tư nước ngoài.

Các quy định về quản trị theo khung của OECD [22] đã được áp dụng vào Luật Doanh nghiệp 2005 nay được Luật Doanh nghiệp 2014 tiếp tục sửa đổi cho phù hợp hơn với nền kinh tế. Chính vì thế Luật Doanh nghiệp 2014 đã phát huy và hạn chế sự suy thoái và góp phần cơ cấu và lành mạnh hóa về quản trị tại những công ty đại chúng vốn hóa lớn trên thị trường đồng thời góp phần ngăn chặn sự đổ vỡ của một số những tập đoàn, công ty lớn trên cả nước. Các quy định quản trị này một phần do nguyên nhân khi Luật 2005 ra đời quy mô doanh nghiệp còn nhỏ và hạn chế, quy mô vốn hóa thấp nên sự tác động trong cơ cấu quyền lực như Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Đại hội đồng cổ đông chưa được kiểm soát chặt chẽ. Hoạt động của Đại hội đồng cổ đông hoạt động chưa thực chất, chưa đóng vai trò quan trọng trong hoạt động phát triển của công ty.

Mặc dù Luật Doanh nghiệp 2014 đã khắc phục được đa phần các hạn chế trong quy định địa vị pháp lý của Đại hội đồng cổ đông trong doanh nghiệp tuy nhiên sự khắc phục này chưa toàn diện vẫn có những điểm nút

chưa được tháo dỡ nhất là vấn đề kiểm soát quyền lực và khắc chế quyền lực lẫn nhau trong các cơ quan của doanh nghiệp, vấn đề thâu tóm, sáp nhập doanh nghiệp, vấn đề phá sản doanh doanh nghiệp. Đây chính là những vấn đề được đặt ra đối với các nhà lập pháp trong những đợt sửa đổi bổ sung và soạn thảo các văn bản hướng dẫn dưới luật. Ngoài ra, tại thời điểm Luật Doanh nghiệp 2014 ra đời, các hạn chế của Luật Doanh nghệp 2005 vẫn chưa bộc lộ đầy đủ, rõ ràng, tới thời điểm này các hạn chế đó đã trở thành hiện thực và là một trở ngại trong quá trình phát triển của công ty cổ phần. Ngoài ra, chúng ta không ngoại trừ một số nội dung sửa đổi, bổ sung của Luật Doanh nghiệp 2014 bước đầu có một số hạn chế trong quá trình áp dụng trong thực tiễn, dù thời gian áp dụng chưa phải là lâu dài.

Chính vì vậy Luật Doanh nghiệp 2014 cần tiếp tục được sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với quyền tự do kinh doanh, quyền tự quyết của doanh nghiệp, giảm rủi ro trong quản trị doanh nghiệp và tăng tính năng động sáng tạo của của doanh nghiệp theo những định hướng cụ thể sau:

- Đảm bảo sự công bằng trong đối xử giữa các thành phần kinh tế bao gồm cả doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài về mặt chính sách, thuế, phí, lao động… nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp Việt tiến tới hội nhập kinh tế thế giới;

- Giảm thiểu các lĩnh vực, ngành nghề hạn chế kinh doanh cho doanh nghiệp tránh cơ chế xin cho.

- Thay đổi cách tiếp cận coi các cơ quan quản lý hành chính nhà nước là cơ quan phục vụ, hướng dẫn, hỗ trợ doanh nghiệp trong quá trình thành lập và hoạt động sản xuất kinh doanh;

- Tương thích hóa những quy định của pháp luật và chuẩn mực quốc tế trong kinh doanh nhất là các cam kết trong các hiệp định song phương và đa phương góp phần tạo môi trường kinh doanh của Việt Nam được lành mạnh, hấp dẫn đối với nhà đầu tư nước ngoài.

- Về cơ bản các quan điểm, yêu cầu và định hướng trên cũng đã được đặt ra đối với Luật Doanh nghiệp 2014 sửa đổi, bổ sung Luật Doanh nghệp năm 2005. Tuy nhiên, các chúng chưa được thể hiện đầy đủ, triệt để trong quá trình ban hành Luật sửa đổi, bổ sung năm 2014. Thời gian tới đây, Luật Doanh nghiệp 2014 cần tiếp tục sửa đổi, bổ sung trên tinh thần thực hiện triển để, đầy đủ các quan điểm, yêu cầu và định hướng trên.

Vì vậy việc bổ sung các quy định nhằm lấp đầy những khoảng trống trong Luật Doanh nghiệp 2014 chính là góp phần cho hoạt động doanh nghiệp được lành mạnh, các nhà đầu tư được an tâm khi quyền lợi của họ được bảo vệ nên mạnh dạn hơn trong việc bỏ vốn ra kinh doanh góp phần trong công cuộc phát triển kinh tế của đất nước.

2.7. Giải pháp hoàn thiện và thực hiện các quy định của pháp luật về địa vị pháp lý của Đại hội đồng cổ đông trong công ty cổ phần ở Việt Nam theo Luật Doanh nghiệp 2014

Các quy định pháp luật phần quy định về địa vị pháp lý Đại hội cổ đông trong Luật Doanh nghiệp 2014 tương đối là hoàn thiện. Tuy nhiên lần sửa đổi này vẫn cần thiếu những quy định mang tính chất đột phá và đi vào thực chất của cơ cấu giám sát quyền lực của người đại diện cho chủ sở hữu *(Hội đồng quản trị).* Do thiếu công cụ pháp lý cho các cổ đông/nhóm cổ đông nên về cơ bản Hội đồng quản trị vẫn là cơ quan thực quyền trong công ty cổ phần hiện nay. Qua hoạt động thực tiễn pháp lý trong lĩnh vựa tư vấn pháp lý doanh nghiệp nhiều năm tác giả xin mạnh dạn đề nghị các phương án nhằm giải quyết vấn đề quan trọng trong Luật Doanh nghiệp 2014 đó là tăng quyền lực, quyền giám sát cho Ban kiểm soát, cổ đông/nhóm cổ đông nhằm tạo cơ chế cân bằng quyền lực, giám sát lẫn nhau giữa các cơ quan trong Đại hội đồng cổ đông. Việc tạo quyền lực giám sát lẫn nhau, sẽ giúp cho công ty phát triển lành mạnh hơn, hạn chế sự lũng đoạn của Hội đồng quản trị trong việc trục lợi...

Sự hoạt động tốt của Ban kiểm soát, của cổ đông/nhóm cổ đông (khoản 2 Điều 114) sẽ góp phần cho hoạt động của Đại hội đồng cổ đông được thực chất hơn, hiệu quả hơn. Theo đó, hướng sửa đổi, bổ sung cơ bản là:

2.7.1 Tăng thẩm quyền Ban kiểm soát

Tăng thẩm quyền và trách nhiệm giám sát của Ban kiểm soát đối với hoạt động nội bộ nhằm làm lành mạnh hoá Hội đồng quản trị và Ban giám đốc.

Hiện nay Ban kiểm soát theo Luật Doanh nghiệp 2014 mặc dù được trao tương đối nhiều quyền nhưng vẫn chưa có cơ chế tiếp cận các hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban giám đốc. Vì vậy để đáp ứng được nhu cầu giải quyết công việc của mình Ban kiểm soát cần được giao thêm một số quyền như:

- Kiểm tra tính hợp lý của các khoản thanh toán cho các nhà thầu, các đối tác trong các hợp đồng, khoản nhận thù lao dịch vụ, khoản chiết khấu hoa hồng khi thấy cần thiết;
- Kiểm tra các khoản trích quỹ, khoản chi trả cổ tức;
- Kiểm tra việc sử dụng các quỹ trong công ty;
- Đánh giá, giám sát việc định giá cũng như thuê công ty định giá các tài sản của công ty;
- Nhận và kiểm tra các giao dịch với người liên quan;
- Điều tra các vụ việc sử dụng nguồn thông tin nội bộ;
- Kiểm tra đột xuất hoặc theo quý đối với tình hình tài chính của công ty.

Luật Doanh nghiệp 2014 khoản 11 Điều 165 vẫn giữ quy định *"Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông"* [30]. Chính vì vấn đề tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị nên sẽ dẫn tới khả năng thông đồng, bưng bít giữa hai cơ quan này. Vì vậy Luật nên sửa từ "tham khảo" thành

“thông báo” để nhằm đảm bảo tính độc lập, khách quan trong kết luận của Ban kiểm soát.

2.7.2 Bổ sung, tăng thẩm quyền đối với cổ đông/nhóm cổ đông

Theo khoản 2 Điều 114 Luật Doanh nghiệp 2014 thì cổ đông/nhóm cổ đông có thêm quyền triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp yêu cầu bãi miễn tư cách thành viên Hội đồng quản trị hoặc tư cách thành viên Ban kiểm soát. Ngoài ra, theo quy định tại khoản 3 Điều 114 Luật Doanh nghiệp 2014 cổ đông/nhóm cổ đông theo khoản 2 Điều 114 có quyền triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp:

> “ a) *Hội đồng quản trị vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền;*
>
> *b) Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị đã vượt quá 06 tháng mà Hội đồng quản trị mới chưa được bầu thay thế;*
>
> *c) Trường hợp khác theo quy định của pháp luật. “* [30]

Như vậy trong trường hợp phát hiện thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát vi phạm pháp luật, hoặc có hành vi trục lợi, phản bội lợi ích của công ty thì cần bổ sung cho cổ đông/nhóm cổ đông theo khoản 2 Điều 114 có thêm thẩm quyền triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông để bãi miễn tư cách thành viên của những người vi phạm. Trong những trường hợp như thế này để hạn chế sự bao che của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát đối với các thành viên vi phạm của mình thì cổ đông/nhóm cổ đông theo khoản 2 Điều 114 có quyền triệu tập ngay cuộc họp Đại hội đồng cổ đông nếu Hội đồng quản trị không triệu tập chứ không phải chờ lần lượt từ Hội đồng quản trị rồi đến Ban kiểm soát rồi mới đến cổ đông/nhóm cổ đông. Trong trường hợp cổ đông/nhóm cổ đông triệu tập cuộc họp để yêu cầu bãi miễn tư cách thành viên Hội đồng quản trị/Ban kiểm soát thì cần quy định Ban giám đốc công ty phải phối hợp, hỗ trợ cổ đông/nhóm cổ đông theo khoản 2 Điều 114 thực hiện quyền này. Bởi vì nếu chỉ riêng cổ đông/nhóm cổ đông mà đơn

phương độc mã không có sự hỗ trợ cần thiết của bộ máy trong công ty thì rất khó có thể triệu tập thành công cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc nếu có triệu tập được thì tốn rất nhiều thời gian và công sức. Ngoài ra trong trường hợp này cũng cần sự giám sát của cơ quan quản lý nhà nước đó là Phòng đăng ký kinh doanh nơi công ty đóng trụ sở chính phải được tham gia theo yêu cầu của cổ đông/nhóm cổ đông, có như vậy việc triển khai quyền của cổ đông/nhóm cổ đông mới được thuận lợi và khách quan.

2.7.3 Bổ sung thêm quyền của cổ đông/nhóm cổ đông

Cụ thể là bổ sung vào khoản 2 Điều 114 về việc cổ đông/nhóm cổ đông có quyền tự mình triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông để bỏ ***phiếu bất tín nhiệm*** đối với tập thể Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.

Việc bỏ phiếu bất tín nhiệm đối với tập thể lãnh đạo của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát là một điểm thể hiện quyền lực, quyền giám sát của cổ đông/nhóm cổ đông (khoản 2 Điều 114) khi họ phát hiện các cơ quan này không thực hiện hoặc cố tình thực hiện không đúng nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông đã thông qua. Sự bổ sung quyền sẽ tạo thêm áp lực cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát cẩn trọng hơn, minh bạch hơn và loại trừ sự tham nhũng, cố ý làm trái của tập thể các cơ quan này và đồng thời cũng tăng cường sự giám sát của cổ đông đối với hoạt động quản lý điều hành trong công ty.

Hậu quả pháp lý của việc bỏ phiếu bất tín nhiệm này sẽ là một trong những căn cứ miễn nhiệm đương nhiên cho toàn bộ tập thể Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát nếu bị bỏ phiếu bất tín nhiệm 02 lần trong một nhiệm kỳ.

Để thực hiện được quyền này cổ đông/nhóm cổ đông cũng cần được sự hỗ trợ của Ban giám đốc phối hợp trong trường hợp Hội đồng quản trị/Ban kiểm soát không triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Bởi lẽ thông thường Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát sẽ gây khó dễ cho cổ

đông/nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bỏ phiếu bất tín nhiệm đối với tập thể mình.

Và để cho khách quan trong trường hợp này cổ đông/nhóm cổ đông phải thông báo tới cơ quản quản lý nhà nước (Phòng đăng ký kinh doanh) và cơ quan này có thể giám sát, tham gia quá trình triệu tập và tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bỏ phiếu bất tín nhiệm này.

2.7.4 Bổ sung nội dung quyền của cổ đông/nhóm cổ đông sở hữu từ trên 51% cổ phần biểu quyết của công ty

Nhóm cổ đông này được triệu tập ngay cuộc họp ĐHĐCĐ để thay đổi các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát mà không cần phải đợi thời gian sở hữu liên tục trong ít nhất 6 tháng.

Thực tế hoạt động thâu tóm sáp nhập doanh nghiệp và thoái vốn của nhà nước ra khỏi các công ty cổ phần hoá dẫn tới sự cản trở trong tiếp cận quyền lực của nhà đầu tư. Sự cản trở ở chỗ nhà đầu tư khi đã thâu tóm, mua thành công cổ phần lớn trong doanh nghiệp nhưng không thể tiếp cận để quản lý công ty vì họ bị vướng vào quy định về mặt thời gian đó là phải sơ hữu liên tục ít nhất 06 tháng thì mới được quyền yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông. Điều này dẫn tới việc chủ sở hữu mới sẽ phải chờ đợi và mất thời gian trong việc tái cơ cấu công ty hoặc sớm cứu công ty ra khỏi tình trạng thua lỗ. Hơn nữa việc chậm tiếp cận quyền lực của các chủ sở hữu mới này sẽ tạo điều kiện cho bộ máy lãnh đạo cũ có thêm cơ hội trục lợi hoặc phá hoại công ty.

Chính vì vậy Luật cần được bổ sung trường hợp cổ đông/nhóm cổ đông cứ sở hữu từ trên 51% là có quyền triệu tập ngay cuộc họp Đại hội đồng cổ đông để thay đổi thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. Điều này là phù hợp với thực tế và quyền lợi của nhà đầu tư cũng như lợi ích chung của công ty. Bởi vì theo quy định của Luật Doanh nghiệp 2014 thì chỉ cần đại diện 51% tổng số phiếu biểu quyết là có thể tiến hành được cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Và để hạn chế sự trục lợi hoặc phá hoại của cổ đông/nhóm cổ đông khi thực hiện quyền này thì cổ đông/nhóm cổ đông sẽ bị phong toả cổ phần của họ trong vòng 06 tháng ngay sau đó. Việc phong toả/hạn chế quyền chuyển nhượng khi cổ đông/nhóm cổ đông sở hữu trên 50% vốn điều lệ là một trong những điều kiện để họ áp dụng và thực hiện quyền triệu tập này.

Bên cạnh các quy định về mặt pháp luật nhằm làm rõ các quyền của các cơ quan trong công ty cổ phần chúng ta còn phải quan tâm tới nâng cao nhận thức pháp luật cho các cổ đông, các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát. Khi các thành tố này nhận thức được đầy đủ các quyền hạn của mình theo quy định của pháp luật và có ý thức thực hiện các quyền này trong thực tế thì đây mới chính là mấu chốt tạo nên thành công của hoạt động Đại hội đồng cổ đông nói riêng và thành công của toàn doanh nghiệp nói chung.

Ngoài các yêu cầu sửa đổi, bổ sung nêu trên, tác giả hoàn toàn đồng tình với quan điểm của các học giả pháp lý khác là, Luật chỉ tạo ra khung pháp lý cho doanh nghiệp hoạt động mà thôi, vấn đề còn lại quan trọng không kém là việc thực thi khung pháp lý ấy như thế nào. Điều đó có nghĩa rằng, bên cạnh việc hoàn thiện địa vị pháp lý của Đại hội đồng cổ đông trong công ty cổ phần về mặt pháp lý (các quy định của luật pháp) thì cần thiết phải coi trọng quá trình thực hiện các quy định của pháp luật. Tác giả cũng đồng tình với đa số các học giả pháp lý rằng, hiện nay luật pháp nói chung, pháp luật về kinh tế, kinh doanh, kể cả pháp luật về doanh nghiệp nói riêng "không thiếu", "không yếu" nếu không muốn nói là tương đối đầy đủ và hoàn thiện. Tuy nhiên, quá trình thực thi trên thực tế là tương đối yếu dẫn đến hiệu ứng của các quy định đầy đủ, hoàn thiện của pháp luật không trở thành kết quả tốt trong thực tiễn. Thực tế cũng cho thấy rằng, nếu các quy định của pháp luật về doanh nghiệp nói chung được thực thi đầy đủ thì hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp đã tốt hơn. Tương tự như vậy, nếu các quy định của pháp luật

về Đại hội đồng cổ đông trong công ty cổ phần mà được thực thi đầy đủ, triệt để trong thực tiễn thì vai trò thực tế của Đại hội đồng cổ đông là tương đối đáng kể. Do vậy, công tác tổ chức thực thi pháp luật, công tác áp dụng quy định của pháp luật về Đại hội đồng cổ đông trong công ty cổ phần cần được quan tâm nhiều hơn, quan tâm hơn cả những sửa đổi bổ sung tiếp theo (nếu có).

Kết luận chương 2

Luật Công ty 1990, Luật Doanh nghiệp 1999, Luật Doanh nghiệp 2005 cùng các văn bản pháp luật khác chuyên ngành như Luật chứng khoán 2006, Luật các tổ chứng tín dụng 2010... đều quy định từ sơ khai đến chi tiết về địa vị pháp lý của Đại hội đồng cổ đông trong công ty cổ phần. Tuy nhiên do tình hình kinh tế thay thổi phát triển lên tầm cao hơn, tư duy pháp luật đang bắt kịp với thế giới và hơn nữa nhằm tạo điều kiện cho doanh nghiệp được tự do, tự chủ trong kinh doanh nhằm phát huy tối đa sức mạnh, sự nhạy bén của mình góp phần đưa đất nước tiến lên, Luật Doanh nghiệp 2014 đã có quy định về căn bản là thông thoáng hơn trong các quy định về thủ tục, điều kiện tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Mặc dù về cơ bản Luật Doanh nghiệp mới đã có bước tiến trong việc đơn giản hoá, thông thoáng hơn trong quy định các trình tự thủ tục, điều kiện, và công tác tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Tuy nhiên bên cạnh những sửa đổi, bổ dung nhằm đơn giản hoá, chuyên nghiệp hoá thì vẫn còn những bất cập mà Luật Doanh nghiệp 2014 vẫn chưa được sửa đổi, bổ sung. Lý do có thể là tư duy pháp lý của chúng ta tại thời điểm năm 2014 chưa hoàn toàn theo kịp yêu cầu của thực tiễn; một số bất cập của Luật Doanh nghiệp 2005 chưa bộ lộ rõ; thậm chí, một số nội dung sửa đổi, bỏ sung bắt đầu bộc lộ một vài điểm hạn chế khi thực thi trong thực tiễn.

Hoạt động của Đại hội đồng cổ đông nói chung vẫn chưa được hiệu quả và thực chất một phần nguyên nhân là quy định của pháp luật vẫn chưa cụ thể,

chưa giải quyết được mối quan hệ phức tạp giữa các cơ cấu quyền lực trong doanh nghiệp, ngoài ra yếu tố nhận thức về quyền và nghĩa vụ của các chủ thể tham gia trong quan hệ pháp luật doanh nghiệp vẫn chưa được đầy đủ.

Chính các điều này dẫn tới hoạt động của Đại hội đồng cổ đông trong công ty cổ phần về phần lớn vẫn chưa tưng xứng với vai trò và nhiệm vụ trong doanh nghiệp mà pháp luật quy định cho nó với địa vị pháp lý là cơ quan có quyền quyết định cao nhất trong công ty cổ phần.

Qua nghiên cứu, tác giả cho rằng cần thiết phải sửa đổi, bổ sung một số quy định của Luật Doanh nghiệp năm 2014 trong thời gian tới. Trong đó, chủ yếu là sửa đổi các quy định liên quan đến mối quan hệ giữa Đại hội đồng cổ đông với các bộ phận khác trong co cấu tổ chức quản lý của công ty cổ phần. Điều này cũng có nghĩa rằng, chúng ta cần nâng cao công tác quản trị trong thời gian tới của các công ty cổ phần. Trong đó, một trong những bộ phận quan trọng trong cơ cấu quản trị doanh nghiệp chính là Đại hội đồng cổ đông. Hiệu quả quản trị của công ty cổ phần nói chung chỉ đạt được tiến bộ khi Đại hội đồng cổ đông có khung pháp luật ghi nhận địa vị pháp lý đầy đủ, chi tiết và rõ ràng.

Tuy nhiên, thực tế cũng cho thấy, công tác hoàn thiện quy định của pháp luật nói chung, quy định của pháp luật về Đại hội đồng cổ đông trong công ty cổ phần nói riêng cần gắn liền với việc nâng cao hiệu quả thực thi nội dung pháp luật này để Đại hội đồng cổ đông khẳng định được vị thế, ai trò của nói trong công tác quản trị của công ty cổ phần và góp phần nâng cao hiệu quả, hiệu lực quản trị của công ty.

KẾT LUẬN

Đại hội đồng cổ đông là một cơ quan quan trọng trong công ty cổ phần theo Luật Doanh nghiệp 2014. Với vai trò là cơ quan có thẩm quyền quyết định cao nhất của mình, hoạt động của doanh nghiệp tốt hay xấu có vai trò quyết định rất lớn từ Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông là một trong những cơ quan trong cơ cấu quản lý doanh nghiệp bên cạnh Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban giám đốc. Hiện nay phần lớn trong các công ty cổ phần ở Việt Nam vai trò, vị thế của Đại hội đồng cổ đông thường bị xem nhẹ dẫn tới hoạt động của nó phần lớn mang tính hình thức. Nguyên nhân dẫn tới thực trạng này là về mặt pháp luật quy định địa vị pháp lý của Đại hội đồng cổ đông mới chỉ tương đối hoàn thiện bên cạnh nguyên nhân chủ quan là nhận thức của các chủ thể cá nhân - cổ đông khi tham gia trong quan hệ pháp luật doanh nghiệp.

Với mong muốn góp phần phát triển lành mạnh nội lực hoá từ bên trong doanh nghiệp Đại hội đồng cổ đông cần phải có những quy định cụ thể hơn nữa đối với các thành tố cổ đông trong tập thể Đại hội đồng cổ đông và sự phối hợp, giám sát và khắc chế lẫn nhau giữa cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban giám đốc chính là một trong những thành tố quan trọng đóng góp cho sự phát triển nói chung của doanh nghiệp. Giải quyết các vấn đề này chính là sự thành công của Luật Doanh nghiệp 2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành. Chúng tôi hi vọng trong thời gian tới Luật Doanh nghiệp 2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành sẽ hoàn thiện hơn trong lĩnh vực quản trị công ty cổ phần, trong đó đặc biệt coi trọng hoàn thiện địa vị pháp lý của Đại hội đồng cổ đông trong công ty cổ phần đồng thời phù hợp với tiến trình phát triển nền kinh tế Việt Nam theo cơ chế thị trường định hướng Xã hội chủ nghĩa. Cùng với quá trình hoàn thiện đó, quá trình thực thi quy định của pháp luật về doanh nghiệp, về quản trị doanh nghiệp nói chung, về Đại hội đồng cổ đông trong công ty cổ phần nói riêng được coi trọng, nâng cao.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Kế hoạch và Đầu tư – Ban soạn thảo Dự án Luật Doanh nghiệp (sửa đổi) (2013), *Báo cáo Tổng kết thi hành Luật Doanh nghiệp năm 2005.*
2. Nguyễn Ngọc Bích, Nguyễn Đình Cung (2009), *Công ty - Vốn, quản lý & tranh chấp theo Luật Doanh nghiệp 2005*, Nxb Tri Thức, Hà Nội.
3. Bộ Tài chính (2004), Thông tư số 126/2004/TT-BTC ngày 24/12/2004 *hướng dẫn thực hiện Nghị định 187/2004/NĐ-CP ngày 16/11/2004 của Chính phủ về việc chuyển đổi doanh nghiệp nhà nước thành công ty cổ phần.*
4. Bộ Tài chính (2006), Thông tư số 95/2006/TT-BTC ngày 12/10/2006 *hướng dẫn sửa đổi bổ sung Thông tư số 126/2004/TT-BTC hướng dẫn thực hiện Nghị định 187/2004/NĐ-CP ngày 16/11/2004 của Chính phủ về việc chuyển đổi doanh nghiệp nhà nước thành công ty cổ phần.*
5. Bộ Tài chính (2007), Quyết định số 15/2007/QĐ-BTC ngày 19/03/2007 *về việc ban hành Điều lệ mẫu áp dụng cho các công ty niêm yết trên Sở giao dịch Chứng khoán/ Trung tâm chứng khoán.*
6. Bộ Tài chính (2007), Quyết định số 120/2007/QĐ-BTC ngày 19/03/2007 *về việc ban hành Điều lệ mẫu áp dụng cho các công ty niêm yết trên Sở giao dịch Chứng khoán/ Trung tâm chứng khoán.*
7. Bộ Tài chính (2012), Thông tư số 52/2012/TT-BTC ngày 05/04/2012 *hướng dẫn về công bố thông tin trên thị trường Chứng khoán.*
8. Bộ Tài chính (2012), Thông tư số 121/2012/TT-BTC ngày 26/07/2012 *quy định về quản trị công ty áp dụng cho các công ty đại chúng.*
9. Chính phủ (2000), Hiệp định giữa Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam và Hợp chủng quốc Hoa kỳ về quan hệ Thương mại.
10. Chính phủ (2010), Nghị định 102/2010/NĐ-CP ngày 1 tháng 10 năm 2010 *hướng dẫn chi tiết thi hành một số điều của Luật Doanh nghiệp*.

11. Chính phủ (2011), Nghị định 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 *về việc chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần*.
12. Chính phủ (2015), Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 *về đăng ký doanh nghiệp*.
13. CIEM- GTZ (2008), *Quản trị công ty cổ phần ở Việt Nam: quy định của pháp luật và hiệu lực thực tế của vấn đề.*
14. Nguyễn Đình Cung (2008), *Quản trị công ty cổ phần ở Việt Nam: quy định của pháp luật và hiệu lực thực tế của vấn đề*, Nxb……
15. Bùi Xuân Hải (2006), "So sánh cấu trúc quản trị nội bộ công ty cổ phần Việt Nam với các mô hình điển hình trên thế giới", Tạp chí *Khoa học Pháp lý*, số tháng 6.
16. Bùi Xuân Hải (2011), *Luật Doanh nghiệp- Bảo vệ cổ đông: Pháp luật và thực tiễn*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
17. Bùi Xuân Hải (2011), "Biện pháp bảo vệ cổ đông, thành viên công ty: Lý luận và thực tiễn", Tạp chí *Đầu tư chứng khoán*, số 269-270-271.
18. Nguyễn Thị Lan Hương (2009), "Một số so sánh về công ty cổ phần theo Luật công ty Nhật Bản và Luật Doanh nghiệp Việt Nam", Tạp chí *Khoa học Đại học quốc gia Hà Nội*, *Luật học*, 2587-93.
19. Vũ Tiến Lộc (2017), "30 năm đổi mới hội nhập kinh tế của doanh nghiệp Việt Nam", Tạp chí *Tuyên giáo*, số 6.
20. Ngân hàng thế giới (2005), *Báo cáo đánh giá so sánh các quy định pháp lý về quản trị doanh nghiệp Việt Nam với những thực tiễn tốt về quản trị công ty theo chuẩn mực của OECD.*
21. Phạm Duy Nghĩa (2009), *Luật Doanh nghiệp, Tình huống – Phân tích – Bình luận*, Nxb Đại học quốc gia Hà Nội.
22. OECD (2004), "Các nguyên tắc Quản trị công ty", xem tại *http://www.ecgi.org/codes/documents/principles_vietnamese_final.pdf*.

23. Nguyễn Như Phát (chủ biên) (2008), *Giáo trình Luật Kinh tế Việt Nam*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
24. Quốc hội (1990), *Luật Công ty*.
25. Quốc hội (1999), *Luật Doanh nghiệp*.
26. Quốc hội (2005), *Luật Doanh nghiệp.*
27. Quốc hội (2006), *Luật Chứng khoán*.
28. Quốc hội (2010), *Luật các tổ chức Tín dụng*.
29. Quốc hội (2013), *Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam*.
30. Quốc hội (2014), *Luật Doanh nghiệp*.
31. Quốc hội (2014), *Luật Đầu tư.*
32. Đỗ Thị Thảo (2013), "Những thành tựu cơ bản về phát triển kinh tế- xã hội của Việt Nam từ khi đổi mới đến nay", Tạp chí *Cộng sản*, ngày 26/5.
33. Nhâm Phong Tuân, Nguyễn Tuấn Anh (2013), "Quản trị công ty vấn đề đại diện của các công ty đại chúng tại Việt Nam", Tạp chí *Khoa học Đại học quốc gia Hà Nội, Kinh tế và Kinh doanh*, tập 29 số 1, 1-10.
34. Viện khoa học pháp lý, Từ điển Luật học, Nhà xuất bản Tư pháp (2006)
35. Bob Tricker (2012), *Corporate Governance,* Nxb Thời đại.